

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN HẢI THANH

**TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN TỈNH HUNG YÊN**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Trần Văn Độ

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Hải Thanh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ	6
1.1. Những vấn đề lý luận về trách nhiệm dân sự và giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự	6
1.2. Quy định của Pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự	21
Chương 2: THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH HUNG YÊN	43
2.1. Khái quát tình hình giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên	44
2.2. Thực trạng giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên.	48
Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIẢI QUYẾT ĐÚNG TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ	58
3.1. Yêu cầu giải quyết đúng trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.....	58
3.2. Các giải pháp bảo đảm giải quyết đúng trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự	61
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	72

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Số liệu về công tác giải quyết, xét xử sơ thẩm các loại án của Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm 2012 đến năm 2016	44
2.2	Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự từ năm 2012 - 2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên	44
2.3	Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2012 - 2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên	45
2.4	Số liệu thống kê kết quả thi hành án dân sự trong hình sự theo đơn yêu cầu các năm từ 2012 đến 2016	46

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong số những nguyên tắc cơ bản quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự có nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong cùng vụ án hình sự làm định hướng cho toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi áp dụng nguyên tắc này, nhiều vấn đề bất cập nảy sinh ảnh hưởng tới tính khách quan, công bằng không chỉ đối với những nội dung của trách nhiệm dân sự mà cả việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo, xác định vị trí, vai trò, quyền, lợi ích và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự. Vì vậy, yêu cầu phải làm rõ vấn đề lý luận và thực tiễn cũng như việc đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là hết sức cần thiết. Bộ luật tố tụng hình sự và những văn bản pháp luật khác đã quy định nội dung, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Những quy định này là cơ sở pháp lý cho Tòa án khi tiến hành tố tụng, đồng thời cũng là công cụ để người tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi của mình. Tuy nhiên, thực tế xét xử cho thấy những quy định của pháp luật về vấn đề này còn chưa đầy đủ, chưa thống nhất nên khó áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, do là vấn đề phát sinh trong vụ án hình sự nên các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như những người tiến hành tố tụng thường không quan tâm đúng mức tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự. Nhiều Thẩm phán đã không nghiên cứu kỹ Bộ luật Dân sự và các hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nên xác định không đúng thiệt hại, quyết định mức bồi thường không chính xác, xác định vị trí của những người tham gia tố tụng hoặc tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết ở vụ án khác không đúng quy định của pháp luật... làm ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích chính đáng của những người tham gia tố tụng.

Có thể nói, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là vấn đề phức tạp cả về lý luận và thực tiễn áp dụng. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa những vấn đề lý luận và đặc biệt là thực tiễn về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ

án hình sự, đồng thời đánh giá việc áp dụng vấn đề này trong thực tiễn là hết sức cần thiết. Việc nghiên cứu, đánh giá từ thực tiễn áp dụng nguyên tắc này trên phạm vi địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm đưa ra những kiến giải lập pháp và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật về vấn đề này trong giai đoạn hiện nay không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài "**Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên**" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng như trong thực tiễn áp dụng, vấn đề giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện. Tuy nhiên, vấn đề này cũng đã được một số nhà khoa học, luật gia quan tâm nghiên cứu ở các mức độ khác nhau nhằm làm sáng tỏ các vấn đề mang tính chất lý luận và thực tiễn đã được công bố như:

Cấp độ luận văn thạc sĩ luật học có đề tài "*Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*" của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương bảo vệ năm 2009 tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Tại Học viện Khoa học xã hội có hai Luận văn nghiên cứu về đề tài này, đó là: Luận văn của tác giả Lê Mạnh Hùng với đề tài: "*Khía cạnh dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*" bảo vệ năm 2011 và đề tài: "*Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*" của tác giả Nguyễn Minh Hòa bảo vệ năm 2013. Ngoài ra, một số tác giả cũng đã công bố những bài báo khoa học đề cập đến các vấn đề về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như: Nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được đề cập trong cuốn *Pháp luật hình sự - Thực tiễn xét xử và án lệ*, của tác giả Đinh Văn Quế, do nhà xuất bản Lao động - xã hội phát hành; trong các bài viết đăng trên các tạp chí của một số tác giả như: *Bàn về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, của TS. Đỗ Văn Đại, Tạp chí kiểm sát, số 9/2007; *Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, của tác giả Nguyễn Xuân Đăng, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 21/2005; *Tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm đều xác định sai vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, của tác giả Trọng Tài, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6/2006; *Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về "dân sự" trong vụ án hình sự*, của tác giả Đinh Văn

Quế, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2009; *Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, của tác giả Hoàng Thị Sơn, Tạp chí Luật học, số 6/1998; *Những vấn đề rút ra từ những vụ án hình sự sơ thẩm bị hủy ở cấp phúc thẩm trung ương*, của tác giả Hồ Quốc Thái, Tạp chí Kiểm sát, số 8/2007; *Bàn về thủ tục tố tụng khi điều tra lại hoặc xét xử lại phần dân sự trong vụ án hình sự*, của tác giả Nguyễn Văn Trọng, Tạp chí Kiểm sát, số 9/2007...

Trên cơ sở nghiên cứu cho thấy, các tác giả chủ yếu nghiên cứu ở từng khía cạnh của vấn đề. Hiện nay chưa có một cuốn giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận chuyên biệt, tổng hợp đầy đủ về vấn đề này. Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự về cơ bản mới chỉ được nghiên cứu riêng qua các bài viết của các nhà khoa học. Hiện nay cũng chưa có công trình nào nghiên cứu về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự phát sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Do vậy, việc nghiên cứu, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là vấn đề mang tính cấp thiết để chế định này ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự mà trong đó phải giải quyết về trách nhiệm dân sự ở giai đoạn hiện nay trên cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự và giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự;

- Nghiên cứu thực tiễn giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Đưa ra các kiến nghị, đề xuất một số quan điểm và giải pháp hoàn thiện quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự, cũng như những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng của quy định này trên phạm vi cả nước nói chung, địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, quy định của pháp luật và thực tiễn giải quyết trách nhiệm dân sự trong giải quyết vụ án hình sự của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự dưới góc độ của luật tố tụng hình sự Việt Nam. Đồng thời, luận văn cũng có đề cập đến một số quy phạm của pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự có liên quan nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong quá trình xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong 05 năm (2012 - 2016).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật, về quyền con người, về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các văn kiện của Đảng.

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học như: Phương pháp lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Về mặt lý luận: Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên, có tính hệ thống và tương đối toàn diện về thực tiễn áp dụng nguyên tắc giải quyết trách nhiệm

dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ giúp xác định được khái niệm, nội dung, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, từ đó đưa ra những kiến nghị về mặt lập pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Việc xây dựng các quy phạm pháp luật phù hợp, đầy đủ, có hệ thống sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

- *Về mặt thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định và áp dụng đúng đắn, thống nhất trình tự, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trong quá trình giải quyết vụ án, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, tác giả hy vọng luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích dành cho không chỉ các nhà lập pháp, mà còn cho các nhà nghiên cứu, các cán bộ giảng dạy pháp luật, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành Tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Chương 2: Thực tiễn giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên.

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp bảo đảm giải quyết đúng trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận về trách nhiệm dân sự và giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

1.1.1 Khái niệm trách nhiệm dân sự

Hành vi phạm tội được thực hiện không chỉ xâm hại đến những quan hệ xã hội, quyền và lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức do pháp luật hình sự bảo vệ mà còn xâm hại đến các quan hệ dân sự (tài sản và nhân thân phi tài sản), nên có hai loại trách nhiệm được đặt ra khi giải quyết vụ án hình sự, đó là: trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Có nghĩa là, khi giải quyết vụ án hình sự mà tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản... của cá nhân, cơ quan, tổ chức thì ngoài việc điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng biện pháp trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng còn phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, "trách nhiệm dân sự" trong vụ án hình sự chỉ bao gồm những khoản tiền hoặc tài sản có liên quan đến việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự, hay nói cách khác là "trách nhiệm dân sự" trong vụ án hình sự chỉ trong phạm vi "trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quy định tại Chương XX Bộ luật Dân sự năm 2015 (trước đây là chương XXI Bộ luật Dân sự 2005) [19]. Đó là những quan hệ bồi thường thiệt hại phát sinh do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của tổ chức, cá nhân bị tội phạm xâm hại.

Quan điểm thứ hai cho rằng, "trách nhiệm dân sự" trong vụ án hình sự là tất cả những cái gì không phải là tội phạm và hình phạt mà có liên quan đến tiền hoặc tài sản thì đều là "trách nhiệm dân sự" trong vụ án hình sự, bao gồm cả các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 41 và Điều 42 Bộ luật Hình sự, trong đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ là một phần dân sự trong vụ án hình sự.

Thứ ba, theo công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong

vụ án hình sự (sau đây gọi tắt là Công văn 121/2003/KHXX) thì phần dân sự trong vụ án hình sự bao gồm: Việc đòi trả lại tài sản bị chiếm đoạt, đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại, buộc phải sửa chữa tài sản bị hư hỏng, đòi bồi thường thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng; đòi bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại.

Ngoài các quan điểm trên thì tác giả Đinh Văn Quế có quan điểm cho rằng, "trách nhiệm dân sự" trong vụ án hình sự không phải là tất cả những gì có liên quan đến tiền hoặc tài sản mà Tòa án xét xử và quyết định, vì trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng còn áp dụng một số biện pháp tư pháp có liên quan đến tiền hoặc tài sản như: Tịch thu công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; tịch thu vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; tịch thu vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; tịch thu hoặc trả lại vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép; tịch thu hoặc trả lại vật, tiền của người khác mà người phạm tội đã sử dụng vào việc thực hiện tội phạm... Các quyết định này tuy có liên quan đến tài sản nhưng không phải là quan hệ dân sự giữa những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự và được giải quyết theo luật hình sự và tố tụng hình sự [19]. Vì vậy, "vấn đề dân sự" không thể được quy định trong Bộ luật Hình sự và không thể là căn cứ để giải quyết vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, mà nó phải được quy định trong Bộ luật Dân sự, bởi lẽ nó là "vấn đề dân sự" chứ không phải là "vấn đề hình sự" mặc dù nó có quan hệ nhất định đến vụ án hình sự. Tuy nhiên không phải tất cả những quy định của Chương XX của Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng đều là "vấn đề dân sự" trong vụ án hình sự. Chỉ có những thiệt hại nào do tội phạm gây ra và trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó mới là "vấn đề dân sự" trong vụ án hình sự hay nói một cách chính xác hơn đây là việc kiện dân sự đòi bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra. Căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm các yếu tố: Có tội phạm xảy ra, có thiệt hại, có quan hệ nhân quả giữa tội phạm và thiệt hại.

Theo quan điểm của cá nhân tác giả thì cần xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự dựa trên hai yếu tố chính yếu là: Thiệt hại do tội phạm gây ra và người bị thiệt hại do tội phạm gây ra

Thứ nhất, thiệt hại do tội phạm gây ra là những thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và tình trạng mất trật tự, an toàn xã hội, trật tự pháp luật. Đó là những thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm phạm. Thiệt hại do tội phạm gây ra bao gồm những thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp.

Thứ hai, người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự: là cá nhân, tổ chức bị thiệt hại hoặc đe dọa bị thiệt hại đáng kể về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng công nhận.

1.1.2. Khái niệm, mục đích, phạm vi, ý nghĩa của việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay đã quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại Điều 28, Chương II, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003. Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, "trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự" là gì? Khái niệm "giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự" là gì? thì hiện nay còn có những nhận thức, quan điểm khác nhau:

Từ những phân tích trên, tác giả xin đưa ra khái niệm giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như sau: "*Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là việc giải quyết phần dân sự liên quan đến thiệt hại do tội phạm gây ra*".

Từ khái niệm trên, chúng ta có thể đưa ra những đặc điểm cơ bản của giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như sau:

Một là, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự nên nó chứa đựng những nội dung thể hiện phương châm, định hướng của Đảng và Nhà nước ta về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Về nguyên tắc, thì mọi vấn đề liên quan đến "phần dân sự" thì đương sự có quyền tự định đoạt, do đó đối với "trách nhiệm dân sự" trong vụ án

hình sự thì chủ thể có quyền có thể khởi kiện vụ án dân sự riêng biệt với vụ án hình sự tại Tòa dân sự. Tuy nhiên, phần dân sự của vụ án sẽ chưa được xét xử chừng nào phần hình sự của vụ án chưa được xét xử xong, tức là một khi cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố vụ án hình sự thì phải xem xét giải quyết xong vấn đề hình sự rồi mới xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự. Đó là nguyên tắc "Hình hoãn hộ". Theo đó, ưu tiên áp dụng pháp luật tố tụng hình sự, khi vấn đề hình sự chưa giải quyết thì không thể giải quyết trách nhiệm dân sự, làm như vậy để tránh cho Tòa hình sự và Tòa dân sự cùng xử lý một vụ việc có thể đưa ra hai bản án trái ngược nhau. Ví dụ: Tòa hình sự xác định không có thiệt hại nên không cấu thành tội phạm hoặc có thiệt hại xong hành vi gây thiệt hại không phải là tội phạm, nhưng Tòa dân sự lại xác định có thiệt hại hoặc hành vi gây thiệt hại đó có lỗi và buộc người gây thiệt hại có trách nhiệm bồi thường (hoặc ngược lại) điều này có thể ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng. Do đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 xác định việc giải quyết trách nhiệm dân sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự và trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Đồng thời quy định giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

Hai là, trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được giải quyết cùng với việc giải quyết vấn đề hình sự sau khi khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là văn bản pháp lý xác định có sự việc phạm tội, làm cơ sở cho các hoạt động điều tra. Do đó, khi vụ án hình sự có trách nhiệm dân sự phát sinh do việc thực hiện tội phạm bị khởi tố thì việc dân sự đó được xem xét và giải quyết mà không cần phải khởi kiện riêng bằng một thủ tục khác nữa. Theo thủ tục tố tụng dân sự thì vụ án dân sự chỉ được đặt ra và xem xét giải quyết khi có đơn khởi kiện của các chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, theo đó, cá nhân, tổ chức có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khởi kiện vụ án dân sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và tòa án chỉ giải quyết khi có đơn khởi kiện dân sự. Trong tố tụng hình sự, đối với một số tội phạm khi đã khởi tố vụ án hình sự mà có trách nhiệm dân sự liên quan đến việc thực hiện tội phạm thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xem xét, chứng minh có thiệt hại về vật chất, tài sản hay

không? Mức độ thiệt hại như thế nào? Làm cơ sở để xác định trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo đồng thời cũng chính là việc chứng minh mức độ thiệt hại, giá trị tài sản cần được bồi thường cho người bị hại. Cũng cần lưu ý rằng đối với trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra được cơ quan tiến hành tố tụng xác định là nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự thì trong quá trình giải quyết vụ án hình sự người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân theo nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt thuộc về các đương sự, đó là việc nguyên đơn có quyền yêu cầu toàn bộ hoặc một phần thiệt hại hoặc không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp này Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định trách nhiệm dân sự chỉ được giải quyết cùng vụ án hình sự khi họ có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Thời điểm nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu bồi thường là thời điểm trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự bắt đầu được giải quyết. Để bảo vệ quyền lợi của mình, trong trường hợp này nguyên đơn dân sự cần phải chứng minh mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra, trong đó có những thiệt hại mà cơ quan tiến hành tố tụng không thể và không có trách nhiệm chứng minh. Thông thường yêu cầu được thực hiện sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhưng trước khi kết thúc xét hỏi tại phiên tòa.

Ba là, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chỉ có phạm vi áp dụng đối với những quan hệ về đòi bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản, sửa chữa tài sản bị hư hỏng, buộc công khai xin lỗi của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra. Các vấn đề như tịch thu vật, tiền bạc do phạm tội mà có, xử lý vật chứng, án phí... không thuộc trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà là biện pháp tư pháp hình sự hoặc tố tụng hình sự.

Có nhiều trách nhiệm dân sự phát sinh do việc thực hiện tội phạm gây thiệt hại cho các quan hệ dân sự, bao gồm: Hành vi phạm tội xâm hại đến sức khỏe tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản thì ngoài việc làm phát sinh trách nhiệm hình sự còn làm phát sinh trách nhiệm dân sự của những người tham gia tố tụng. Hoặc những vấn đề có liên quan đến tiền và tài sản như: Vật chứng, án phí, tịch thu vật, tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có... Tuy nhiên, không phải tất cả vấn đề nào liên quan đến tiền hoặc tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết cũng đều nằm trong phạm vi điều chỉnh tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chỉ bao gồm việc đòi trả lại tài sản bị chiếm đoạt, đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo

chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại, buộc phải sửa chữa tài sản bị hư hỏng, đòi bồi thường thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt, đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Ngoài ra, theo tác giả, biện pháp buộc công khai xin lỗi tuy rất ít được áp dụng trong thực tiễn, nhưng đó cũng là trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Bốn là, quá trình giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có sự tham gia của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc chứng minh, xác định mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Trong vụ án dân sự thông thường, về nguyên tắc thì nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình thuộc về trách nhiệm của các đương sự, đặc biệt là trách nhiệm của nguyên đơn. Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự cũng không phải ngoại lệ. Tuy nhiên, trong trường hợp trách nhiệm dân sự được giải quyết trong vụ án hình sự, ở đây được hiểu là giải quyết việc tranh chấp về dân sự trong vụ án hình sự và do Tòa hình sự giải quyết, về nguyên tắc vì là được giải quyết bởi Tòa hình sự nên khi xem xét giải quyết vụ án Tòa án phải áp dụng các quy định, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết. Mặt khác, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong cùng vụ án hình sự về bản chất vẫn là giải quyết mối quan hệ dân sự, do đó không thể áp dụng Bộ luật Hình sự để giải quyết trách nhiệm dân sự mà phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết. Trong trường hợp phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự thông thường thì quá trình giải quyết trách nhiệm dân sự sau này sẽ áp dụng thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc giải quyết đó chỉ được tiến hành sau khi đã có bản án hình sự.

Năm là, khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự Tòa án áp dụng các nguyên tắc của Bộ luật tố tụng hình sự và các nguyên tắc của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án.

Cuối cùng là, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự Tòa án không bắt buộc phải mở các phiên hòa giải giữa các đương sự như trong tố tụng dân sự. Thủ tục mở phiên hòa giải không phải là thủ tục bắt buộc mà Tòa án phải thực hiện trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng không bắt buộc phải tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các

cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tạo điều kiện cho các bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Trường hợp các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau thì Tòa án công nhận việc thỏa thuận này của các đương sự và sự thỏa thuận này được ghi vào phần quyết định của bản án hình sự chứ Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1.12.1. Phạm vi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự là hai khái niệm pháp lý được phân biệt rạch ròi. Trách nhiệm hình sự của một cá nhân được đặt ra khi cá nhân đó thực hiện một tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự, còn trách nhiệm dân sự là nghĩa vụ bồi thường những thiệt hại gây ra cho người khác bằng một khoản tiền tương ứng với thiệt hại đã xảy ra. Về lý thuyết, vai trò của trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự là khác nhau, trách nhiệm hình sự nhằm mục đích trấn áp các hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhà nước quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Còn trách nhiệm dân sự được đặt ra nhằm giải quyết những xung đột về lợi ích khi thiệt hại xảy ra giữa cá nhân với cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức trong xã hội. Như vậy, trách nhiệm hình sự không có mối liên hệ đến nghĩa vụ bồi thường một thiệt hại gây ra cho người khác, nó không phải là một nguồn của nghĩa vụ dân sự, vì trách nhiệm hình sự không thiết lập một mối quan hệ pháp lý nào giữa người phạm tội với nạn nhân.

Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người phạm tội không chỉ chịu trách nhiệm hình sự mà họ còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội gây ra. Do đó, Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, quy định: *"Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự"*.

Chiều theo quy định này, các trách nhiệm dân sự như bồi thường thiệt hại, bồi hoàn... có thể được giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự. Nói cách khác là trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự có thể đồng thời được quyết định trong cùng một trình tự, thủ tục. Theo đó, các trách nhiệm dân sự là những quan hệ phát sinh từ vụ án hình sự được giải quyết cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên khi các vấn đề về mức bồi thường, bồi hoàn... chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng

đến việc giải quyết vụ án hình sự thì các trách nhiệm dân sự có thể được tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Quy định này của Bộ luật Tố tụng hình sự về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên thực tế, bảo đảm việc giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp và thông lệ tố tụng của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, quy định này cũng còn tồn tại một số hạn chế bởi như: Thủ tục tố tụng hình sự chủ yếu là để xác định có hay không có việc phạm tội để quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm, còn theo tố tụng dân sự thì người bị hại lúc này sẽ là nguyên đơn dân sự khởi kiện người có hành vi gây thiệt hại nhằm yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, trên nguyên tắc, trong thủ tục tố tụng hình sự giải quyết cả trách nhiệm dân sự sẽ dễ tạo ra khả năng trong quá trình xét xử các thẩm phán tòa hình sự không đảm bảo được các nguyên tắc dân sự trong việc quyết định vấn đề bồi thường thiệt hại dân sự như quyền tự quyết và định đoạt của đương sự hay bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Trong thực tiễn hiện nay, khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, các thẩm phán chủ yếu vận dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn như Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 hướng dẫn thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số các quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Việc phải nghiên cứu, vận dụng cả những quy định của pháp luật về dân sự và những quy định của pháp luật về hình sự là một khó khăn với Tòa án, đặc biệt là trong việc giải quyết đối với những vụ án phức tạp.

Ngoài phạm vi nêu trên khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự thì chúng ta cần xem xét đến việc tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Có thể thấy căn cứ chung để thực hiện việc tách phần dân sự trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự là việc chưa có điều kiện chứng minh về phần bồi thường, bồi hoàn và việc tách này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Nội dung này được làm rõ trong Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự thì chỉ được tách để giải quyết phần hoặc một phần dân sự trong vụ án hình sự bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu, nếu: Phần dân sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, đến việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và thuộc một trong các trường hợp sau đây: Chưa tìm được, chưa xác định được người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự; người bị hại và nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu; người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên Tòa và việc này thật sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự.

Như vậy, ở mức độ khái quát nhất có thể hiểu: Căn cứ để tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự chính là phần dân sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Còn căn cứ "*chưa có điều kiện chứng minh về phần bồi thường*" tức là chưa xác định được người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự; người bị hại và nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu; người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa và việc này thật sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự.

Bên cạnh việc quy định tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại cấp sơ thẩm, công văn số 121/2003/KHXX nêu trên còn quy định rõ việc tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại cấp phúc thẩm: Trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ nhưng vẫn không được và thuộc một trong các trường hợp cần tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu, nhưng Tòa án cấp

sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử, thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự trong vụ án hình sự và tách phần dân sự này để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu [47].

Công văn 121/2003/KHXX cũng xác định việc tách phần dân sự trong vụ án hình sự tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm như sau: Nếu xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các biện pháp để xác minh, thu thập chứng cứ, bổ sung chứng cứ, song vẫn không được và thuộc một trong các trường hợp cần tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử, thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có quyền hủy quyết định của bản án phúc thẩm, quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự và tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu. Liên quan đến việc tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự còn quy định trường hợp sự vắng mặt của người bị hại, nguyên đơn dân sự thì tùy từng trường hợp mà tòa án có thể vẫn tiến hành xét xử hoặc hoãn phiên tòa; nếu sự vắng mặt của họ chỉ trở ngại cho việc giải quyết vấn đề bồi thường thì Hội đồng xét xử có thể tách việc bồi thường để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự.

Như vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự và công văn số 121/2003/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao quy định thẩm quyền tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự thuộc về Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm và Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.1.2.2. Mối quan hệ giữa nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự với các nguyên tắc khác

Trách nhiệm dân sự được giải quyết đồng thời với trách nhiệm hình sự trong cùng vụ án hình sự và được quy định là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Cách thức này không những quy định việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà còn coi đó là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Theo đó, khi giải quyết vụ án hình sự mà tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản... của cá nhân, tổ chức thì ngoài việc điều tra, truy tố, xét xử về hình sự, áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, các Cơ quan tiến hành tố tụng còn phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc này có mối quan hệ mật thiết với các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, mối quan hệ với các nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự (Điều 12, 13 Bộ luật Tố tụng Hình sự).

Thực hiện đúng nguyên tắc khởi tố và xử lý vụ án hình sự, nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là cơ sở để nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện. Chỉ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì các cơ quan tiến hành tố tụng mới có cơ sở để giải quyết trách nhiệm dân sự và áp dụng nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Trong giai đoạn điều tra và truy tố, bên cạnh việc điều tra về vấn đề trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng còn phải có trách nhiệm điều tra, thu thập chứng cứ liên quan đến vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Thứ hai, mối quan hệ với nguyên tắc xác định sự thật của vụ án.

Việc áp dụng đúng đắn, đầy đủ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án là cơ sở để thực hiện tốt nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Với tư cách là một phần của vụ án hình sự, khi xác định sự thật của vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đồng thời phải làm rõ được trách nhiệm dân sự trong vụ án đó.

Thứ ba, mối quan hệ với nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án.

Nguyên tắc bình đẳng trước Tòa án là một cơ sở để đảm bảo cho nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện tốt. Khi các đương sự được bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, được cung cấp chứng cứ và tranh tụng công khai, dân chủ trước Tòa án thì họ sẽ có khả năng bảo vệ tốt nhất cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời sẽ làm sáng tỏ được sự thật khách quan của vụ án nói chung và phần trách nhiệm dân sự của bị cáo hoặc bị đơn dân sự nói riêng. Thông qua đó, Tòa án có cơ sở để đưa ra phán quyết đúng đắn về mức hình phạt cũng như mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án. Thực hiện đúng và đầy đủ nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự cũng đồng thời thực hiện được nguyên tắc bình đẳng trước Tòa án. Bản chất của quan hệ pháp luật dân sự là sự bình đẳng giữa các bên đương sự khi tham gia tố tụng và thực chất trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chính là quan hệ pháp luật dân sự về việc đòi tài sản, bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Khi giải

quyết trách nhiệm dân sự thì nguyên tắc bình đẳng thỏa thuận giữa các đương sự là nguyên tắc bao trùm, theo đó các đương sự được bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ. Do vậy, bản thân nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự đã thể hiện được nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án.

Thứ tư, mối quan hệ với nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân.

Thực hiện nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân là tiền đề cho việc thực hiện nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ ngoài việc làm phát sinh trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội còn làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Nếu cá nhân bị tội phạm xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản... thì họ sẽ được bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Việc bồi thường thiệt hại khi hành vi phạm tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân phải được giải quyết theo một nguyên tắc nhất định. Đó là nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được đặt ra nhằm mục đích bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân. Việc giải quyết đúng đắn vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự sẽ đảm bảo cho việc thực hiện tốt nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân. Như vậy, có thể thấy giữa nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự và nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân có mối quan hệ chặt chẽ nhất, gắn gũi nhất bởi vì việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trực tiếp liên quan đến việc xác định mức độ bồi thường thiệt hại khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của cá nhân, tổ chức bị tội phạm xâm hại. Hơn nữa, tội phạm đã xảy ra, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm tài sản của công dân đã bị xâm hại thì việc Nhà nước bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản được thực hiện và thể hiện rõ nét nhất thông qua việc giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn cho người bị thiệt hại.

1.1.2.3. Ý nghĩa của giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Việc quy định giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có ý nghĩa hết sức quan trọng về mặt pháp lý và chính trị - xã hội nhìn từ chức năng tổ tụng, bảo vệ lợi ích của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra và từ góc độ quyền con người. Về thực tiễn, chế định này góp phần vào việc bảo đảm cho quá trình tiến hành tố tụng được thực hiện một cách thống nhất; là cơ sở quan trọng cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi tham gia tố tụng hình sự, bảo đảm mọi hành vi gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của công dân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội đều phải bồi thường và xử lý kịp thời; góp phần vào việc động viên, giáo dục và tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức và mọi công dân có ý thức tuân thủ pháp luật và tích cực tham gia vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm và dân chủ hóa quá trình tố tụng; có ý nghĩa cho việc định hướng xây dựng pháp luật tố tụng hình sự [29, tr. 45].

Việc quy định giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có ý nghĩa đối với việc bảo đảm tôn trọng các quyền cơ bản của công dân. Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật thì công dân được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Mọi hành vi gây thiệt hại đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức và xâm hại tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, của cá nhân đều phải bồi thường và xử lý theo pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, một mặt người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, mặt khác họ còn phải chịu trách nhiệm dân sự với tính chất là một chế tài được áp dụng đối với người gây thiệt hại. Việc áp dụng trách nhiệm dân sự đối với người phạm tội không chỉ làm tăng khả năng trừng trị mà còn có ý nghĩa giáo dục đối với bản thân họ và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Hơn nữa, quan hệ dân sự trong vụ án hình sự không đơn thuần chỉ là một quan hệ dân sự thông thường mà việc thực hiện trách nhiệm dân sự của bị can, bị cáo còn nhằm thực hiện trách nhiệm hình sự của họ. Chẳng hạn, trường hợp người phạm tội bị buộc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại do họ gây ra là để thực hiện một biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, tức là để thực hiện một yêu cầu của trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, việc quy định giải quyết trách nhiệm dân sự phát sinh do việc thực hiện tội phạm trong cùng vụ án hình sự còn có ý nghĩa quan trọng đảm bảo tính khách quan, nhanh chóng, kịp thời trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng mà còn có ý nghĩa tích cực trong đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Quy định giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn có ý nghĩa đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được chính xác, nhanh gọn, đỡ tốn kém về thời gian, công sức, bảo vệ quyền lợi cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan khi bị tội phạm xâm hại, giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng tránh được việc tiến hành các hoạt động trùng lặp không cần thiết, tức là xem xét hai lần các tình tiết của cùng một hành vi vi phạm pháp luật hình sự và vi phạm pháp luật dân sự đồng thời tạo điều kiện cho người bị hại chứng minh là có thiệt hại do tội phạm gây ra, người bị thiệt hại sẽ có nhiều thuận lợi hơn trong việc bảo vệ quyền lợi của mình, qua đó bảo đảm hiệu quả về mặt kinh tế, tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc xét xử cũng như tránh được việc các bên tham gia tố tụng lại bị triệu tập đến tòa án một lần nữa để giải quyết về trách nhiệm dân sự.

1.1.2.4. Thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự phải tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy về thực chất trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là quan hệ pháp luật dân sự nhưng nó lại phát sinh trên cơ sở hành vi phạm tội, nên nó không chỉ đơn thuần là những quan hệ dân sự mà còn là căn cứ quan trọng cho việc xác định tội phạm, hình phạt cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Vì vậy, khi xem xét, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự về nội dung phải tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự nhưng về hình thức (về mặt thủ tục) phải tuân theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự chứ không phải là trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự như trong vụ án dân sự thuần túy. Chẳng hạn, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì trường hợp người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ vắng mặt thì tùy từng trường hợp mà Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử nếu sự vắng mặt của những người này chỉ trở ngại cho việc giải quyết vấn đề bồi thường thì sẽ tách ra

để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự. Đây là điểm khác biệt so với quy định của thủ tục tố tụng dân sự. Luật tố tụng dân sự quy định nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt lần thứ nhất thì Hội đồng xét xử buộc phải ra quyết định hoãn phiên tòa cho dù đương sự vắng mặt có hay không có lý do chính đáng. Sở dĩ có sự khác biệt này là do bản chất của việc xét xử trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là xét xử vụ án hình sự, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì Hội đồng xét xử giải quyết luôn cả trách nhiệm dân sự phát sinh do tội phạm gây ra. Nếu trách nhiệm dân sự trong vụ án có liên quan đến việc định tội danh hay định khung hình phạt đối với bị cáo thì nó là một phần không thể tách rời khỏi vụ án hình sự và phải được giải quyết đồng thời với vụ án hình sự. Trong trường hợp này lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa rất quan trọng đối với việc giải quyết phân trách nhiệm hình sự của vụ án. Vì vậy, Tòa án phải hoãn phiên tòa nếu những người trên vắng mặt. Tuy nhiên, đối với những vụ án mà phần dân sự không liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo thì có thể tách phần dân sự ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Do đó, trong trường hợp này nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phần hình sự và tách phần dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Một điểm khác biệt nữa là, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát tham gia tất cả các phiên tòa xét xử các vụ án hình sự của Tòa án (bao gồm cả các phiên tòa xét xử vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm). Tuy nhiên, theo khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Viện kiểm sát không tham gia tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án mà chỉ tham gia phiên tòa đối với những vụ án do Tòa án thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.2. Quy định của Pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

1.2.1. Khái quát lịch sử lập pháp về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

- Giai đoạn từ 1945 đến 1988

Cách mạng tháng Tám thành công với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đánh dấu bước ngoặt lịch sử của nhà nước Việt Nam. Đất nước mới giành được độc lập, tình hình an ninh, trật tự, chính trị, xã hội của đất nước rất phức tạp. Tình hình tội phạm xuất hiện khắp nơi, cả ở vùng giải phóng và chiến khu, các tội phạm xảy ra chủ yếu liên quan đến vấn đề an ninh quốc gia và các tội phạm bị đưa ra xét xử chủ yếu là các tội gián điệp, hoạt động phi, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân... để đảm bảo cho việc xử lý tội phạm được kịp thời, Nhà nước ta đã thành lập các tòa án quân sự để xét xử các tội phạm phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Khi kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc tiến hành xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, pháp luật tố tụng hình sự đã bắt đầu được chú ý. Thời kỳ này, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng về tự do dân chủ, trong đó cũng đã quy định những nội dung liên quan đến giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như Luật số 103SL/1005 ngày 20/5/1957 bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm về nhà ở, đồ vật, thư tín của công dân; năm 1958 Quốc hội đã quyết định thành lập Tòa án nhân dân tối cao và hệ thống các tòa án địa phương...[29, tr.19-20].

Sau ngày 30/4/1975, khi đất nước thống nhất, trên cơ sở của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, thì hệ thống Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong cả nước đã được tổ chức và hoạt động trên cơ sở của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981. Các văn bản pháp luật trên đã góp phần vào việc khắc phục những thiếu sót, sai lầm trong việc giải quyết vụ án hình sự nói chung, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng.

Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn này chủ yếu là đơn hành không thể hiện được toàn diện, đầy đủ chính sách của Đảng, Nhà nước trong các lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

- Giai đoạn từ 1989 đến 2003

Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1989, đã quy định khá đầy đủ và chi tiết về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự và cơ bản đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng chống tội phạm trong giai đoạn này. Tại "Lời nói đầu" của Bộ luật đã ghi đây là Bộ luật "thấu suốt tư tưởng lấy dân làm gốc".

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 là Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của Nhà nước ta được ban hành trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 chưa quy định nguyên tắc chung về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Mặc dù vậy, theo quy định tại Điều 39 về người bị hại và Điều 40 về nguyên đơn dân sự thì giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự đã được ghi nhận. Theo tinh thần của các điều luật này thì người bị hại có quyền đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường, còn nguyên đơn dân sự là cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về vật chất do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các quy định này đã khẳng định việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là việc giải quyết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất cho người bị hại và bồi thường thiệt hại vật chất cho nguyên đơn dân sự của người phạm tội.

Ngoài ra, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn được quy định trong một số văn bản hướng dẫn, trong báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân tối cao, như: Công văn số 97/NCPL ngày 04/10/1991 của Tòa án nhân dân tối cao về việc phối hợp với cơ quan bảo hiểm nhà nước giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại; kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1993.

- Giai đoạn từ 2004 đến nay

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003, có hiệu

lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đã lần đầu pháp điển hóa việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 cũng đã quy định khá đầy đủ, chi tiết về nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ, thể hiện định hướng, phương châm, đường lối của Đảng và Nhà nước về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự như Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số các quy định của Bộ luật Dân sự về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự... cũng đã quy định về trình tự, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

1.2.2 Quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự theo pháp luật hiện hành

- Quy định của Bộ luật Hình sự về giải quyết dân sự trong vụ án hình sự

Điều 42 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người phạm tội phải trả lại vật hoặc tiền bạc đã chiếm đoạt được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường vật chất do hành vi phạm tội gây ra.

2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về mặt tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại.

Theo quy định trên, trong mọi trường hợp người phạm tội phải có trách nhiệm đối với thiệt hại đã gây ra. Phải trả lại vật hoặc tiền bạc đã chiếm đoạt được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; nếu tài sản đó không sửa chữa được hoặc việc hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không thể được do tài sản đó bị mất, bị hủy hoại, bị tiêu dùng... thì Tòa án buộc họ phải bồi thường các thiệt hại vật chất đã gây ra. Nếu là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe thì người phạm tội phải bồi thường những thiệt hại đó cho người bị hại bao gồm mọi phí tổn và thu nhập bị giảm

sút do tình trạng này gây ra cho người bị hại như: Tiền thuốc men, tiền bồi dưỡng, tiền chi phí khác, tiền tàu xe, tiền chôn cất, và mức giảm sút về thu nhập của người không có sức lao động mà người bị hại khi còn sống có nghĩa vụ nuôi dưỡng, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người thuộc hàng tha]f kế thứ nhất của người bị hại đã chết... Người phạm tội gây thiệt hại về tinh thần cho người bị hại thì ngoài việc bồi thường về vật chất còn phải công khai xin lỗi người bị hại.

- Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

1.2.2.1 Người tham gia tố tụng trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Việc xác định, phân biệt giữa những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết "phần hình sự" và "phần dân sự" trong vụ án hình sự là cơ sở để đảm bảo việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện chính xác. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 thì địa vị pháp lý của từng người tham gia tố tụng được quy định như sau:

- **Người bị hại:** Theo khoản 1 Điều 51 quy định: "Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra" [24]. Theo nhận thức chung, thông thường thì người bị hại là nạn nhân của tội phạm, nhưng theo cách hiểu thông thường hiện nay thì người bị hại chỉ có thể là cá nhân bị người phạm tội gây thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản. Luật Tố tụng hình sự của nước ta hiện nay không coi tổ chức là người bị hại. Người bị hại trong vụ án hình sự phải là cá nhân, con người cụ thể bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Thiệt hại mà người bị hại phải chịu phải là thiệt hại thực tế, nếu thể chất, tinh thần, tài sản của một người chưa bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thì người đó không được coi là bị hại.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tư cách tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người bị hại được xác lập bởi các cơ quan tiến hành tố tụng. Bởi xét về mặt hình thức, người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra chỉ trở thành người bị hại trong vụ án hình sự khi họ được cơ quan có thẩm quyền công nhận là người bị hại thông qua việc triệu tập họ đến khai báo với tư cách người bị hại. Trong

trường hợp hành vi phạm tội không bị phát hiện và xử lý hoặc trường hợp không xác định được người bị thiệt hại mặc dù trên thực tế có người bị thiệt hại về vật chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra thì người đó cũng không trở thành người bị hại trong vụ án hình sự.

Người bị hại là người trực tiếp thấy rõ hơn ai hết sự diễn biến của hành vi phạm tội nên có thể là người làm chứng quan trọng trong vụ án. Chính vì vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự quy định cho người bị hại các quyền tố tụng tương đối rộng để bảo vệ được những quyền lợi của họ trong tố tụng và góp phần đấu tranh chống tội phạm. Quyền của người bị hại được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự, cụ thể gồm các quyền sau: Quyền đưa ra tài liệu, đồ vật và yêu cầu; quyền được thông báo về kết quả điều tra; quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch khi thấy họ không vô tư trong quá trình giải quyết vụ án; quyền đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm mức bồi thường; quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; quyền khiếu nại, quyết định hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường cũng như về hình phạt đối với bị cáo.

Trong trường hợp người bị hại chết thì người đại diện hợp pháp của họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người bị hại. Nếu người bị hại đã chết có nhiều đại diện hợp pháp có quyền lợi đối lập thì Tòa án phải triệu tập tất cả những người đó để nghe họ trình bày ý kiến.

Nếu người bị hại là người chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ sẽ cùng tham gia tố tụng.

Đi đôi với quyền thì người bị hại có những nghĩa vụ như sau: Phải có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; có nghĩa vụ khai báo, cung cấp những thông tin cần thiết cho việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án, phải khai báo đúng sự thật khách quan đã xảy ra. Việc giải quyết đúng đắn vụ án không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước mà còn nhằm bảo vệ lợi ích của chính người bị hại nên họ thường tích cực, chủ động trong việc khai báo nên việc người bị hại từ chối khai báo mà không có lý do chính đáng là việc không bình thường, không phù hợp với tâm lý

của nạn nhân, hành vi đó gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và có thể bị coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, người bị hại là con người cụ thể bị tội phạm trực tiếp xâm hại, người bị hại có trong các tội phạm đã hoàn thành cũng như trong các tội phạm chưa đạt. Nhưng không phải trong bất cứ trường hợp nào có tội phạm là có người bị hại. Ví dụ: Trong những tội phạm xâm phạm đến an ninh quốc gia không trực tiếp làm thiệt hại đến một con người cụ thể nào thì không có người bị hại. Ngoài ra, trong trường hợp phòng vệ chính đáng và trong trường hợp tình thế cấp thiết (Điều 15, 16 BLHS) dù hành vi đó có thiệt hại thực tế gây ra cho cá nhân, nhưng người bị gây thiệt hại không được xác định là người bị hại vì Bộ luật Hình sự không coi đó hành vi đó là tội phạm.

Để xác định vị trí pháp lý của người tham gia tố tụng trong vụ án được rõ ràng, cần có văn bản pháp lý công nhận. Vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự cần quy định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp Quyết định công nhận cách tham gia tố tụng của người bị hại trong vụ án hình sự. Người bị hại là nạn nhân của tội phạm nên có thể phản ánh rõ sự thật của vụ án và cũng nhận thức đúng đắn tính chất của tội phạm đã xâm hại họ, nên có thể đưa ra những yêu cầu thích đáng về mức hình phạt đối với bị cáo. Sự kết hợp giữa yêu cầu trong cáo trạng của Viện kiểm sát và yêu cầu của người bị hại sẽ tạo điều kiện cho Hội đồng xét xử cân nhắc và quyết định một hình phạt có tác dụng trừng trị cũng như giáo dục cao đối với bị cáo.

- **Nguyên đơn dân sự:** Điều 52 quy định: "*Nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức, bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại*" [24].

Nguyên đơn dân sự có thể là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội gây ra, những thiệt hại này có thể là thiệt hại về tài sản hoặc những thiệt hại khác dẫn đến những tổn thất về vật chất như những thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm hại... Nguyên đơn dân sự cũng có thể là cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra.

Muốn trở thành nguyên đơn dân sự thì cá nhân, cơ quan, tổ chức bị người phạm tội gây thiệt hại về vật chất phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nói cách khác, tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn dân sự đối với quá trình giải quyết vụ

án chỉ xuất hiện khi họ có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong thực tế, không phải mọi trường hợp yêu cầu của nguyên đơn dân sự đều được thể hiện bằng hình thức đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại mà có thể thể hiện yêu cầu của mình trong đơn trình báo hoặc do cơ quan điều tra ghi nhận yêu cầu của họ trong biên bản làm việc qua lời trình bày của họ về thiệt hại do tội phạm gây ra và họ có yêu cầu bồi thường.

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nguyên đơn dân sự có các quyền sau: Quyền đưa ra tài liệu, đồ vật và yêu cầu; quyền được thông báo về kết quả điều tra; quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch khi thấy họ không vô tư trong việc giải quyết vụ án; quyền đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm mức bồi thường; quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại.

Nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng trong vụ án hình sự là để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của họ. Vì vậy nguyên đơn dân sự chỉ có quyền kháng cáo về phần bồi thường, mà không có quyền kháng cáo về phần hình phạt.

Nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự: Nguyên đơn dân sự phải có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc đòi bồi thường thiệt hại. Chúng tôi đồng ý với quan điểm của tác giả Nguyễn Văn Tuấn khi cho rằng: "Nguyên đơn dân sự cần chứng minh là họ bị thiệt hại do các hành vi phạm tội gây ra, nhưng đó không phải là nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự. Trách nhiệm chứng minh đó thuộc về người buộc tội" [52].

Nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự không đồng nghĩa với nguyên đơn dân sự trong vụ án dân sự. Nguyên đơn dân sự trong vụ án dân sự là người khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, người khởi kiện là nguyên đơn nhưng không phải người khởi kiện nào cũng bị thiệt hại và nếu có thiệt hại thì thiệt hại đó không phải là thiệt hại do tội phạm gây ra. Ví dụ: các trường hợp khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước theo quy định tại Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn nguyên đơn dân

sự trong vụ án hình sự là cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Một vấn đề được đặt ra là giữa người bị hại và nguyên đơn dân sự có mối quan hệ như thế nào? Người bị hại và nguyên đơn dân sự có phải là hai khái niệm giống nhau không?

Hiện nay có quan điểm cho rằng chưa hợp lý nếu một công dân là người bị thiệt hại do tội phạm gây ra thì có quyền kháng cáo để tăng hình phạt, còn cơ quan tổ chức cũng bị thiệt hại do tội phạm gây ra thì không có quyền đó vì không phải là người bị hại. Vì vậy, nên coi cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra cũng là người bị hại theo nghĩa rộng hoặc nên đồng nhất khái niệm người bị hại với nguyên đơn dân sự. Ngược lại cũng có ý kiến cho rằng nếu quy định cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra có những quyền của người bị hại như vậy sẽ lẫn lộn khái niệm người bị hại và nguyên đơn dân sự. Chúng ta cần phân biệt người bị hại và nguyên đơn dân sự là hai khái niệm khác nhau, giữa chúng tuy có chỗ giống nhau nhưng không thể đồng nhất. Một mặt, người bị tội phạm trực tiếp xâm hại là con người cụ thể, đó là người bị hại trong tố tụng hình sự. Mặt khác, nguyên đơn dân sự, có thể là cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

Theo quan điểm của tác giả Trọng Tài thì nguyên đơn dân sự trong một số trường hợp có thể đồng thời là người bị hại và trong trường hợp này, Tòa án chỉ xác định họ là người bị hại mà không cần xác định họ là nguyên đơn dân sự nữa vì quyền của người bị hại đã bao gồm cả quyền của nguyên đơn dân sự [30].

Tuy nhiên, chúng tôi nhất trí theo quan điểm của TS. Nguyễn Văn Tuấn cho rằng không nên đồng nhất khái niệm người bị hại với nguyên đơn dân sự, đồng thời không nhất trí với quan điểm cho rằng trong nhiều vụ án hình sự chỉ cần xác định một trong hai tư cách hoặc là người bị hại hoặc là nguyên đơn dân sự bởi quy định như vậy sẽ không xác định rõ địa vị pháp lý của chủ thể tham gia tố tụng, khi nào họ tham gia vào phần hình sự của vụ án và khi nào họ tham gia vào phần dân sự của vụ án. Vì một người bị tội phạm gây thiệt hại thì trước hết họ tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại, tiếp đến khi giải quyết việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra thì họ tham gia với tư cách là nguyên đơn dân sự. Theo lẽ thông thường, nguyên đơn dân sự khi tham

gia vụ án hình sự đòi bồi thường thiệt hại cần phải chứng minh là họ bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Nhưng đó không phải là nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự, trách nhiệm đó thuộc về người buộc tội [52].

- **Bị đơn dân sự:** Điều 53 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định những người phải có nghĩa vụ bồi thường thay cho người đã gây ra thiệt hại trong các trường hợp sau:

Bị đơn dân sự trong tố tụng hình sự có thể là cha mẹ của bị can, bị cáo chưa thành niên, người chưa thành niên là những người không có hoặc không đầy đủ năng lực hành vi nên cha mẹ là người phải bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra.

Người giám hộ của bị can, bị cáo chưa thành niên hoặc bị can, bị cáo mất năng lực hành vi dân sự có nghĩa vụ đại diện cho bị can, bị cáo thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Bệnh viện, trường học phải liên đới cùng cha mẹ, người giám hộ của bị can, bị cáo dưới 15 tuổi hoặc mất năng lực hành vi phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra trong thời gian ở bệnh viện, trường học nếu các cơ quan này có lỗi trong việc quản lý những người đó.

Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do bị can, bị cáo là người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác phải bồi thường thiệt hại do bị can, bị cáo là người làm công, người học nghề gây ra trong khi thực hiện công việc được giao.

Bị đơn dân sự trong tố tụng hình sự còn là cơ quan, tổ chức phải bồi thường do hành vi phạm tội của bị can, bị cáo là cán bộ nhân viên của cơ quan, tổ chức mình gây ra. Cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Trong một vụ án hình sự có đồng phạm, nếu có bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự nhưng vẫn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì họ tham gia tố tụng với tư cách bị đơn dân sự, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà mình và các bị can, bị cáo khác gây ra.

Tư cách tố tụng của bị đơn dân sự được xác định khi cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập họ với tư cách là bị đơn dân sự. Bị đơn dân sự có thể tự mình thực hiện các quyền về tố tụng hoặc thông qua người đại diện hợp pháp.

Bị đơn dân sự khi tham gia tố tụng có các quyền sau: Khiếu nại việc đòi bồi thường của nguyên đơn dân sự; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; được thông báo kết quả điều tra có liên quan đến việc đòi bồi thường; đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch tho quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại.

Nghĩa vụ của bị đơn dân sự: Bị đơn dân sự phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, Tòa án và trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại.

Theo lẽ thông thường, người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do họ gây ra. Theo quy định chung thì bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra với tư cách là bị đơn dân sự. Hành vi phạm tội là cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự, còn hành vi gây thiệt hại là cơ sở cho trách nhiệm dân sự. Đối với cá nhân trong một vụ án hình sự, có thể vừa là bị cáo vừa là bị đơn dân sự. Trong một số trường hợp được luật quy định, người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại không phải bị cáo mà là người khác hoặc cơ quan, tổ chức như đã phân tích ở trên.

Liên quan đến vấn đề này, có quan điểm cho rằng, bị đơn dân sự là người tham gia tố tụng chỉ trong trường hợp bị cáo không phải chịu trách nhiệm vật chất, mà trách nhiệm đó thuộc về người khác. Nếu việc yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thì bị cáo không phải là bị đơn dân sự, bởi vì trong trường hợp như vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và cả trách nhiệm dân sự. Điều đó có nghĩa là, trong trường hợp bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì sẽ không có bị đơn dân sự. Chúng tôi nhất trí với quan điểm của TS. Nguyễn Văn Tuấn không đồng ý với quan điểm nêu trên: *"Bởi vì ở đây cần phải phân biệt giữa trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Một người tham gia tố tụng có quyền, nghĩa vụ tố tụng nhất định và chỉ chịu một*

loại trách nhiệm liên quan đến địa vị pháp lý của mình. Điều đó có nghĩa là, bị cáo chỉ chịu trách nhiệm về phần hình sự, còn bị đơn dân sự chỉ chịu trách nhiệm về phần dân sự. Có thể chỉ là một con người nhưng khi chịu trách nhiệm về hình sự thì là với tư cách bị cáo, còn khi chịu trách nhiệm về phần dân sự là tư cách bị đơn dân sự" [53].

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 chỉ quy định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không đưa ra khái niệm họ là người như thế nào như đã quy định với bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... nên trong thực tiễn xét xử, các Tòa án cũng có những xác định khác nhau về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, sự khác nhau này chủ yếu là nhằm lẫn giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hay là người làm chứng. Việc xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ảnh hưởng không nhỏ tới phán quyết của Tòa án trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Vậy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự là gì?

Giáo trình Luật tố tụng hình sự của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội đưa ra khái niệm về người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là "người có quyền lợi và nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi các quyết định của Tòa án" [6]. Trong khi đó, giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội thì định nghĩa như sau: "Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng" [29, tr. 137].

Theo tác giả Trọng Tài thì: "*Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là người có lợi ích vật chất hoặc tinh thần có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận*" và "*người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người mà hành vi của họ có liên quan đến tội phạm do bị cáo thực hiện và theo pháp luật họ phải có trách nhiệm về hành vi của mình, trách nhiệm này chủ yếu là trách nhiệm vật chất*" [30]. Chúng tôi nhất trí với quan điểm trên, bởi lẽ quy định về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là quy định về hai loại người có quyền, lợi ích và nghĩa vụ hoàn toàn khác nhau, thậm chí là đối lập nhau, đó là người có quyền lợi liên quan và người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trong thực tiễn xét xử cho thấy

không phải vụ án hình sự nào cũng có sự góp mặt đầy đủ của cả hai đối tượng là người có quyền lợi liên quan hoặc người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng phải xử lý theo quy định của pháp luật những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, như: Người mà tài sản của họ bị kê phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội; người mà tài sản của họ bị kê biên cùng tài sản của người phạm tội; người được kê phạm tội cho một số tài sản do phạm tội mà có v.v...

Người đã tham gia vào việc thực hiện tội phạm nhưng đã được miễn trách nhiệm hình sự cũng có thể là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu như cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ như xử lý những vật thuộc sở hữu của họ đã được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc họ phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền: Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và trình bày trung thực những tình tiết trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Như phân trên đã trình bày, việc xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo cho họ được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, đảm bảo giải quyết đúng đắn trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng.

Tóm lại, trong một vụ án hình sự thì khi giải quyết về "phần hình sự" cần xác định ai là bị cáo, ai là người bị hại, tiếp đó trong phần giải quyết "phần dân sự" cần xác định ai là nguyên đơn dân sự, ai là bị đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Một người trong cùng vụ án hình sự có thể tham gia với hai tư cách là người bị hại và nguyên đơn dân sự hoặc bị cáo và bị đơn dân sự, nhưng không thể đồng

nhất hai tư cách đó là một hoặc chỉ cần xác định họ với một tư cách, bởi lẽ, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã quy định một người tham gia vào quá trình tố tụng hình sự ở mỗi giai đoạn khác nhau, với tư cách khác nhau thì quyền và nghĩa vụ sẽ không giống nhau, mặc dù họ có thể là cùng một người.

- Thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một hoạt động tố tụng được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhằm xác định rõ trách nhiệm dân sự phát sinh từ hành vi phạm tội. Việc chứng minh, giải quyết trách nhiệm dân sự được tiến hành đồng thời với việc chứng minh giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm hình sự và kết quả của việc xác định mức độ thiệt hại là để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố cũng có thể được sử dụng trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự. Do vậy, nhiệm vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong trường hợp vụ án hình sự có trách nhiệm dân sự là phải xác minh, làm rõ trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc tiến hành các hoạt động sau:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được các mối quan hệ có liên quan đến trách nhiệm dân sự cần giải quyết là những mối quan hệ nào trong các mối quan hệ sau: Mối quan hệ về bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe danh dự, nhân phẩm, tài sản bị xâm phạm; mối quan hệ về đòi tài sản; mối quan hệ về đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại; mối quan hệ về việc yêu cầu sửa chữa tài sản bị hư hỏng, bị hủy hoại...

- Xác định nội dung của các mối quan hệ có liên quan đến trách nhiệm dân sự cần giải quyết như: Xác định mức độ thiệt hại đã xảy ra, mức độ lỗi của các chủ thể tham gia tố tụng... để từ đó có thể xác định đúng mức bồi thường thiệt hại. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành điều tra, xác minh để làm rõ về những vấn đề nêu trên, xác định rõ trách nhiệm hình sự và đưa ra hướng giải quyết đối với toàn bộ trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

- Xác định đúng và đầy đủ những người tham gia tố tụng, tư cách tham gia tố tụng trong vụ án hình sự mà phải giải quyết phần dân sự.

Một vấn đề đặt ra là muốn giải quyết đúng và chính xác trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng cần tuân theo những trình tự, thủ tục nhất định. Vậy thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện như thế nào?

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định việc giải quyết trách nhiệm dân sự được tiến hành đồng thời với việc giải quyết phần trách nhiệm hình sự của vụ án nên Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 không quy định thủ tục riêng mà trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Xuất phát từ đặc thù của quan hệ dân sự nên khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn phải tuân theo những nguyên tắc riêng của tố tụng dân sự nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của các đương sự khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án không thể đồng thời áp dụng cả thủ tục tố tụng hình sự và thủ tục tố tụng dân sự để giải quyết một vụ án mà chỉ có thể áp dụng thủ tục tố tụng dân sự nằm trong thủ tục tố tụng hình sự nói chung để giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án đó. Vì vậy, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo thủ tục tố tụng hình sự trên cơ sở kết hợp với các nguyên tắc của tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết một vụ án phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, bắt đầu từ giai đoạn khởi tố, đến giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, và kết thúc ở giai đoạn thi hành án. Mỗi giai đoạn đều có một chức năng và nhiệm vụ khác nhau nhưng đều nhằm mục đích giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế khi giải quyết vụ án ở giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thường không xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của những người liên quan đến trách nhiệm dân sự trong vụ án. Việc xác định thường được thực hiện chung chung, có những vụ án tư cách của chủ thể tham gia tố tụng là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chỉ xác định họ là những người liên quan đến vụ án. Chỉ đến giai đoạn xét xử, Tòa án mới phải xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể. Thực tế này là phù hợp vì ở giai đoạn điều tra, truy tố thì vấn đề quan trọng là điều tra, làm rõ những nội dung liên quan đến giải quyết phần hình sự, là chứng minh tội phạm, các nội dung liên quan đến giải quyết phần dân sự như tiến hành lấy lời khai, đối chất, yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ... việc

xác định chính xác tư cách người tham gia tố tụng ở giai đoạn này không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động điều tra, có nhiều trường hợp cơ quan điều tra không thể và không có nghĩa vụ phải chứng minh.

Còn ở giai đoạn xét xử, đây là giai đoạn trọng tâm của tố tụng hình sự nói chung, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng, việc xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án có ảnh hưởng lớn tới quyền, nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể tham gia tố tụng khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự (như quyền kháng cáo...). Các hoạt động khởi tố, điều tra trước đó chỉ nhằm thu thập chứng cứ phục vụ cho việc xét xử. Trên cơ sở những chứng cứ thu thập được ở những giai đoạn trước đó là một trong nhiều căn cứ để Tòa án sẽ xem xét và đánh giá một cách chính xác và đưa ra phán quyết cuối cùng về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Thủ tục xét xử một vụ án hình sự thông thường gồm có thủ tục xét xử sơ thẩm và thủ tục xét xử phúc thẩm. Do đó, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự cũng gồm xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu kể từ ngày Tòa án nhận được hồ sơ do Viện kiểm sát chuyển sang. Để có thể quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc ra các quyết định tố tụng phù hợp với quy định pháp luật, trong khoảng thời gian theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu hồ sơ và giải quyết yêu cầu của những người tham gia tố tụng, đồng thời tiến hành những việc cần thiết cho việc mở phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu hồ sơ cũng như giải quyết các yêu cầu của những người tham gia tố tụng để kịp thời giải quyết những vấn đề cần thiết cho việc mở phiên tòa. Khi nghiên cứu hồ sơ thẩm phán cần phải làm sáng tỏ những vấn đề liên quan đến trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của bị cáo trong vụ án. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, trước khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán phải xây dựng kế hoạch xét hỏi, trong đó tập trung làm rõ những nội dung chủ yếu như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những hành vi phạm tội, bị cáo có phải là người thực hiện hành vi hay không, mục đích, động

cơ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ thiệt hại, mức độ lỗi, trách nhiệm bồi thường...

- Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành tại phiên tòa sơ thẩm hình sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nếu việc xác định thiệt hại có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội mà xét thấy không thể bổ sung tại phiên tòa được thì Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung vì đó là chứng cứ quan trọng để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự phải tuân theo các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật Tố tụng hình sự như: Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục; phiên tòa sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân tham gia; phổ biến nội quy phiên tòa; xem xét sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa. Phiên tòa được tiến hành với sự có mặt của những người tham gia tố tụng, kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện của họ, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch nếu cần.

Theo quy định tại chương XX, quy định từ các điều 207 đến Điều 216 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa được tiến hành như sau: Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, sau đó đến Hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, người bào chữa... Việc xét hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của những người đó được tiến hành theo trình tự: Trước tiên, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện của họ trình bày về những tình tiết của vụ án liên quan đến họ; sau đó Hội đồng xét xử hỏi thêm về những điều mà họ trình bày chưa đủ hoặc có mâu thuẫn. Trường hợp bị cáo đồng thời là bị đơn thì sau phần xét hỏi về hình sự bị cáo tiếp tục bị xét hỏi với tư cách là bị đơn trong việc dân sự có liên quan của vụ án. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện của họ có thể đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Khi thấy những tình tiết của vụ án đã rõ thì chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia tố

tụng xem họ có cần làm rõ thêm vấn đề gì nữa không. Nếu không có vấn đề gì nữa thì chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, những người tham gia phiên tòa phân tích, đánh giá chứng cứ của vụ án, tính chất, mức độ của tội phạm được đưa ra xét xử và đề nghị áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với pháp luật. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ được trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình. Trong trường hợp những người này có người bảo vệ quyền lợi cho mình thì người bảo vệ quyền lợi của đương sự phát biểu ý kiến trước, sau đó họ trình bày ý kiến bổ sung. Thời gian phát biểu tranh luận của những người tham gia tranh luận không bị hạn chế, nhưng chỉ được đề cập những vấn đề liên quan đến vụ án đang xét xử. Nếu ý kiến tranh luận nằm ngoài những vấn đề liên quan đến vụ án thì chủ tọa phiên tòa có quyền nhắc nhở hoặc cắt ý kiến đó. Trong quá trình tranh luận, nếu có ý kiến trái ngược nhau thì người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác, nhưng chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý.

Trên cơ sở ý kiến của các bên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc để đưa ra phán quyết. Trong giai đoạn này, Hội đồng xét xử cũng khuyến khích hai bên tự thỏa thuận với nhau, nếu họ thỏa thuận được về việc bồi thường thì Tòa án công nhận sự thỏa thuận đó.

Trong trường hợp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy chưa có đủ căn cứ để quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự mà phần dân sự đó có liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung. Nếu phần dân sự đó không liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Thẩm phán yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung hoặc có yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự hoặc cũng có thể tách phần dân sự ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu đương sự có yêu cầu. Trong trường hợp tách phần dân sự ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác thì việc thụ lý và giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự thì Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và ghi vào phần quyết định trong bản án chứ không được ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để thảo luận về từng vấn đề của bản án bao gồm: Xác định tội danh của bị cáo; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; những vấn đề liên quan đến bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng; yêu cầu cơ quan, tổ chức áp dụng các biện pháp ngăn chặn... Tất cả các vấn đề đưa ra thảo luận đều được giải quyết bằng cách biểu quyết theo đa số. Sau khi bản án được thông qua, Hội đồng xét xử trở lại phòng xét xử để tuyên án. Chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử công bố bản án đã được biểu quyết khi nghị án.

Bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cùng cấp (30 ngày đối với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp) có quyền kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự nếu thấy Tòa án sơ thẩm giải quyết không đúng.

Thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm về cơ bản cũng được tiến hành giống phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên có một số điểm khác nhau cơ bản như sau:

Trước khi xét hỏi thay vì đại diện Viện kiểm sát công bố bản cáo trạng như ở phiên tòa sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa phúc thẩm sẽ thay mặt Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử sẽ tập trung xét hỏi đối với những người tham gia tố tụng về những vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hoặc các vấn đề khác có liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm tra đầy đủ các tình tiết

có liên quan đến phần dân sự trong vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị để quyết định hình phạt và mức bồi thường cho đúng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát được phát biểu trước và đưa ra đề xuất về hướng giải quyết vụ án với Hội đồng xét xử.

- Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành tại phiên tòa phúc thẩm hình sự: Theo quy định tại Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền ra các quyết định như: Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Khi quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét và quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Nếu phần dân sự trong bản án hình sự không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau thì Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện thỏa thuận đó. Nếu phần dân sự trong vụ án hình sự chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết hoặc các đương sự chưa yêu cầu nhưng người kháng cáo hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị yêu cầu giải quyết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể tách ra để giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự khác. Trường hợp phần dân sự có liên quan chặt chẽ đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo chưa được điều tra đầy đủ mà Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không thể bổ sung tại phiên tòa thì có thể hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đối với trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại thì thủ tục giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự bị hủy không liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo được tiến hành theo hướng dẫn tại Công văn số 121/2003/KHXX, theo đó có thể tách phần dân sự trong vụ án hình sự để thụ lý và giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án dân sự lúc này có thể gồm: Người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của những người này; bị đơn có thể gồm: Người bị kết án, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của những người này.

1.2.3 Những điểm mới về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự theo quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 (viết tắt là BLHS năm 2015). Về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, với tư cách không phải là luật chuyên ngành nên Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng chỉ quy định như Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, có nghĩa là chỉ quy định mang tính nguyên tắc, ghi nhận là có giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chứ không quy định chi tiết.

Điều 48 BLHS 2015 quy định:

1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.

2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại.

Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn được quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Như vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 một lần nữa khẳng định đây là một nguyên tắc bất di bất dịch trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Liên quan đến giải quyết trách nhiệm dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có những quy định mới sau:

Thứ nhất, xác định đầy đủ diện của người bị hại và bổ sung một số quyền của họ. Theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Quy định diện người bị hại không chỉ gồm cá nhân bị thiệt hại như hiện hành mà còn bao gồm tổ chức bị thiệt hại. Để bị hại bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 bổ sung cho bị hại và người đại diện theo pháp luật của họ các quyền: Được cơ quan tố tụng thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ; đưa ra chứng cứ; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá, người dịch thuật; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người tham gia phiên tòa và một số quyền khác; quy

định rõ hơn nghĩa vụ và trách nhiệm của người bị hại nhằm tăng cường trách nhiệm của họ trong việc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tố tụng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm. Quy định phải có nghĩa vụ chấp hành các quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp cố ý vắng mặt hoặc có hành vi gây khó khăn, cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải.

Thứ hai, bổ sung một số quyền của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (các điều 63, 64, 65 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)

Để bảo đảm cho những chủ thể này bảo vệ tốt hơn quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, phù hợp với Luật giám định tư pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 bổ sung một số quyền của họ như: Quyền đưa ra chứng cứ; quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; quyền đưa ra yêu cầu giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; quyền được thông báo kết quả giải quyết vụ án; quyền đề nghị chủ tọa hỏi những người tham gia phiên tòa; quyền tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và một số quyền khác. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ hơn nghĩa vụ của những chủ thể này phải chấp hành các quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền nhằm tăng cường trách nhiệm của họ trong quá trình giải quyết vụ án, bảo đảm việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật.

Kết luận chương 1

Từ kết quả nghiên cứu tại chương 1, có thể nhận thấy việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là yêu cầu khách quan và cần thiết, đã được pháp luật hình sự quy định nhằm giải quyết một cách khách quan, toàn diện và nhanh chóng vụ án. Tuy nhiên, như tác giả đã phân tích, những vấn đề liên quan đến khái niệm, các đặc điểm cơ bản của trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự cũng còn có những luồng ý kiến, quan điểm khác nhau; nhận thức về bản chất và phạm vi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự cũng còn những điểm chưa thống nhất. Bởi vậy, việc quan tâm nghiên cứu sâu rộng hơn nữa của các nhà nghiên cứu, nhà lập pháp và hoạt động

thực tiễn trong thời gian tới là đòi hỏi cấp thiết; đặc biệt cần thiết phải có sự quy định cụ thể, rõ ràng trong Bộ luật Hình sự 2015 để thống nhất trong nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Chương 2
THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRÁCH NHIỆM
DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH HƯNG YÊN

2.1. Khái quát tình hình giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên

2.1.1 Kết quả đạt được

Trước những diễn biến phức tạp về tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, các cơ quan bảo vệ pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã có nhiều cố gắng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh nhiều hành vi phạm tội.

Các cơ quan tiến hành tố tụng khẩn trương, khách quan, công tâm trong việc phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ trên địa bàn; dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban nội chính tỉnh ủy, các cơ quan bảo vệ pháp luật tỉnh Hưng Yên đã xây dựng mối quan hệ phối hợp khá tốt, xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án lớn, phức tạp liên quan đến an ninh nông thôn, các vụ án tham nhũng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự trị an, được dư luận và quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, an toàn trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích của công dân, của tổ chức và nhà nước, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo đánh giá của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, trong 05 năm qua, Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh đã xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xét xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Quá trình giải quyết các vụ án, Tòa án hai cấp đã đảm bảo cho mọi công dân thực hiện đầy đủ các quyền mà pháp luật quy định, như quyền có mặt tại phiên tòa, quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, quyền tranh luận tại phiên tòa...

Theo các số liệu thống kê, tình hình giải quyết các loại án nói chung, giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong 5 năm qua (từ năm 2012 đến năm 2016) như sau:

Bảng 2.1: Số liệu về công tác giải quyết, xét xử sơ thẩm các loại án của Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm 2012 đến năm 2016

STT	Loại án	Phân tích		
		Tổng số	Giải quyết xong	Tỷ lệ (%)
1	Hình sự	3.275	3.270	98,84%
2	Dân sự	10.376	10.127	97,6%
3	Án khác	253	200	79,05%
	Tổng số	13.904	13.597	97.79%

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Bảng 2.2: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự từ năm 2012 - 2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Năm	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm đã xét xử	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết trách nhiệm dân sự	Tỷ lệ (%)
2012	215	180	83,72%
2013	245	203	82,86%
2014	295	280	94,92%
2015	320	315	87,44%
2016	389	370	81%

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Bảng 2.3: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2012 - 2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Năm	Số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết trách nhiệm dân sự bị kháng cáo, kháng nghị	Số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết trách nhiệm dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự
2012	10	3
2013	13	6
2014	8	3
2015	14	1
2016	12	0

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Qua các bảng số liệu trên, có thể thấy, trong tổng số các vụ án hình sự mà Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã giải quyết, số vụ án có giải quyết trách nhiệm dân sự chiếm tỷ lệ lớn (81% trở lên). Tại báo cáo của Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về kết quả thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có nêu: "*Các vụ án hình sự phát sinh chủ yếu mà Tòa án hai cấp đã xét xử gồm các tội phạm về giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, Mua bán phụ nữ, Hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, vi phạm các quy định về giao thông đường bộ chiếm tỷ lệ lớn. Các loại tội này luôn chiếm tỷ lệ cao trong số các vụ án hình sự và có xu hướng tăng cao hơn so với năm trước*" [45] - Đó là các vụ án hình sự mà trong đó phải giải quyết trách nhiệm dân sự.

Có thể nhận thấy các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự nói riêng mà Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên phải thụ lý và giải quyết trong thời gian qua năm sau đều tăng so với năm trước. Mặt khác, tính chất của các vụ án ngày càng đa dạng, phức tạp. Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh về cơ bản đã xét xử các vụ án hình sự trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ xét xử năm sau cao hơn năm trước. Chất lượng xét xử tiếp tục được đảm bảo, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa thấp hơn so với năm trước.

Số liệu thống kê cũng cho thấy số vụ án có giải quyết trách nhiệm dân sự bị kháng cáo, kháng nghị hàng năm không nhiều, trung bình 11,4 vụ/năm, chiếm tỷ lệ thấp. Qua đó có thể đánh giá chất lượng giải quyết trách nhiệm dân sự trong các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là tương đối tốt.

Kết quả thi hành phần nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự theo thống kê dưới đây cũng minh chứng cho chất lượng xét xử của Tòa án trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đối với các vụ việc có giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

Bảng 2.4: Số liệu thống kê kết quả thi hành án dân sự trong hình sự theo đơn yêu cầu các năm từ 2012 đến 2016

Năm	Tổng thụ lý án dân sự trong hình sự (việc)	Kết quả giải quyết xong/số có điều kiện thi hành (việc)	Tỷ lệ (%)
2012	180	120	66,67%
2013	203	170	83,74%
2014	280	253	90,36%
2015	315	290	90,06%
2016	370	301	81,35%

Nguồn: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Qua số liệu trên cho thấy, số lượng vụ việc phải thụ lý thi hành liên quan đến thi hành phần dân sự trong vụ án hình sự tương đối nhiều, trong đó tỷ lệ giải quyết hàng năm trên số có điều kiện thi hành những năm từ 2013 đến năm 2016 đều đạt trên 80%. Điều đó thể hiện, các bản án do Tòa án tuyên liên quan đến giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là tương đối tốt. Tuy nhiên, theo đánh giá của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì do số lượng án phát sinh ngày càng lớn, tính chất vụ việc phức tạp, mặt khác nhiều trường hợp đương sự là người phải thi hành án, đang chấp hành hình phạt tù, thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản, thu nhập để thi hành án nên còn nhiều vụ việc tồn đọng, không thể thi hành dứt điểm, có nhiều vụ việc do trình độ dân trí còn hạn chế nên sau khi Tòa án xét xử xong đương sự không hiểu biết nên đã không làm đơn yêu cầu thi hành án phần dân sự trong vụ án hình sự, dẫn đến hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

2.1.2 Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

Ngoài những kết quả đã đạt được nêu trên thì vẫn còn có những thiếu sót, tồn tại trong quá trình giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên dẫn đến chất lượng giải quyết án của Tòa án hai cấp chưa cao, tỉ lệ án bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán giảm chưa đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, hạn chế đó là: Đa số những vụ án có tính chất phức tạp, được điều chỉnh bởi nhiều quy phạm pháp luật có nội dung rất rộng, quá trình thụ lý, giải quyết án; một số Thẩm phán nghiên cứu, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện dẫn đến một số bản án bị cấp phúc thẩm hủy, sửa bản án về phần dân sự do lỗi chủ quan của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như: Xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, triệu tập không đầy đủ những người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan đến vụ án tham gia phiên tòa, quyết định mức bồi thường thiệt hại không chính xác, thiếu cơ sở dẫn đến khó thi hành án, áp dụng sai các quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự...

Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự thì việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là quá trình được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, trách nhiệm xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự không chỉ của Tòa án mà còn là của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra ít quan tâm xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà chủ yếu tập trung vào việc giải quyết "phần hình sự"; khi thụ lý hồ sơ vụ án để chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được công chủ tọa phiên tòa chỉ tập trung nghiên cứu giải quyết vấn đề hình sự, mà xem nhẹ trách nhiệm dân sự trong vụ án, lẽ ra cần phải trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung nhưng lại không trả; tại phiên tòa không xét hỏi đầy đủ; khi quyết định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự không nghiên cứu kỹ các quy định của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự; nhiều trường hợp bị cáo xâm phạm đến tính mạng nhưng không xem xét khoản bồi thường tổn thất tinh thần hoặc nếu có xem xét thì cũng không đúng với quy định của Bộ luật Dân sự; vẫn còn tình trạng buộc bị cáo hoặc bị đơn dân sự cấp dưỡng một lần cho người mà người bị hại khi còn sống phải cấp dưỡng, nhưng không có sự thỏa thuận giữa đại diện người bị hại với bị cáo hoặc bị đơn dân sự.

2.2. Thực trạng giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự tại tỉnh Hưng Yên

Bên cạnh những mặt tích cực được nêu trong phần 2.1 ở trên, qua nghiên cứu các bản án hình sự có giải quyết trách nhiệm dân sự trên địa bàn tỉnh từ năm 2012 đến năm 2016, tác giả nhận thấy còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Một là, xác định sai tư cách tham gia tố tụng dẫn đến việc quyết định về bồi thường thiệt hại không đúng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 20/2012/HSST ngày 14/2/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử bị cáo Dương Văn Lý về tội giết người. Bản án đã xác định người bị hại là ông Nguyễn Văn Hạnh, người đại diện của người bị hại là ông Nguyễn Cao Cường (là chú họ của bị hại, được gia đình người bị hại ủy quyền) và xác định vợ và con của bị hại là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo đó quyết định của bản án tuyên về phần trách nhiệm dân sự ghi: "*Buộc bị cáo Dương Văn Lý phải bồi thường số tiền 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng chẵn) cho ông Nguyễn Cao Cường, sinh năm 1975; STQ: thôn 2, xã Văn Nhuế, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên*".

Theo quan điểm của tác giả, trường hợp này phải xác định ông Nguyễn Cao Cường là người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại chứ không phải đại diện người bị hại, việc xác định người đại diện hợp pháp của người bị hại trong trường hợp người bị hại chết phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ hoặc các con đã thành niên của người bị hại. Và khi quyết định về bồi thường (tính mạng, tổn thất tinh thần,..) phải quyết định bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại mà đại diện theo ủy quyền là ông Cường chứ không phải bồi thường cho ông Cường như bản án đã tuyên.

Tại Bản án hình sự số: 50/2014/HSST ngày 25/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Trần Ngọc Hải về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" có nội dung: Trần Ngọc Hải là lái xe thuê cho Công ty vật liệu xây dựng Sông Hồng. Trong khi điều khiển xe ô tô đi vận chuyển cát, bị cáo Hải gây tai nạn làm chị Đỗ Thị Mười bị chết (chị Mười là nhân viên Công ty may Phú Khang). Công ty Phú Khang nơi người bị hại làm việc đã chi phí cho việc cấp cứu và mai táng cho các nạn nhân hết 6.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Phú Khang là nguyên đơn dân sự, Công ty Sông Hồng là người

có nghĩa vụ liên quan đến vụ án và buộc Công ty Sông Hồng phải bồi thường cho gia đình chị Mười, và hoàn trả số tiền cho Công ty Phú Khang đã bỏ ra cấp cứu và mai táng cho nạn nhân.

Qua nội dung vụ án, có thể thấy rằng anh Trần Ngọc Hải là người làm công cho Công ty Sông Hồng đã gây thiệt hại trong khi thực hiện công việc giao nên theo quy định tại điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2005 về trách nhiệm bồi thường do người của pháp nhân gây ra thì Công ty Sông Hồng phải có trách nhiệm bồi thường. Do vậy, cần xác định Công ty Sông Hồng là bị đơn dân sự mới chính xác. Công ty Phú Khang không bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, tuy có chi phí cấp cứu và mai táng cho nạn nhân là một quan hệ khác và không có tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Sông Hồng là người có nghĩa vụ liên quan, Công ty Phú Khang là nguyên đơn dân sự trong vụ án là không chính xác.

Hai là, khi giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự đã không xác định đầy đủ các khoản chi phí hợp lý để buộc bị cáo phải bồi thường nên đã dẫn đến trường hợp xác định mức bồi thường thiệt hại không chính xác, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của người bị hại.

Tại bản án số: 27/2016/HSST ngày 10/4/2016 có nội dung: Khoảng 22 giờ ngày 10/12/2014 tại quán ăn đêm của chị Vũ Thị Sòn, sinh năm 1980 trên đường Tuệ Tĩnh thuộc phường An Tảo, thành phố Hưng Yên. Do mâu thuẫn nhỏ nhặt trong khi ăn uống, bị cáo Trần Đình Dũng đã cầm dao bằng tay phải đâm thẳng một nhát vào mạng sườn trái anh Nguyễn Văn Hiệp, sau đó Dũng cầm dao đập vào mặt anh Nguyễn Văn Thành là bạn cùng bàn với anh Hiệp. Hậu quả: Anh Hiệp bị trọng thương phải đưa đi bệnh viện đa khoa Hưng Yên cấp cứu đến ngày 09/01/2015 thì ra viện, anh Thành được cơ quan điều tra lập biên bản xem xét dấu vết trên thân thể và đi khám, kiểm tra thương tích tại bệnh viện đa khoa Hưng Hà. Bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định: "*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS, điều 604, 606, 609 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Đình Dũng có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn Hiệp trú tại số nhà 09 đường Phạm Hồng Thái, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên 116.766.973đ (một trăm mười sáu triệu bảy trăm sáu sáu ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng). Bị cáo Trần Đình Dũng phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Thành trú tại xã*

Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là 1.653.633đ (một triệu sáu trăm năm ba ngàn sáu trăm ba ba đồng".

Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại nhưng không phân tích, xác định cụ thể từng khoản bồi thường. Mặc dù bản án sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, kháng nghị nhưng theo tác giả, bản án cần phân tích, nhận định và quyết định từng khoản bồi thường cụ thể theo quy định của Bộ luật Dân sự về những chi phí hợp lý như: Chi phí cho việc cứu chữa, tổn hại sức khỏe, bồi dưỡng, mất thu nhập và bồi thường tổn thất về tinh thần theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Ba là, khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự Tòa đã tuyên buộccác bị cáo phải liên đới bồi thường nhưng lại không chia kỹ phần cụ thể cho từng bị cáo dẫn đến việc Tòa án cấp phúc thẩm phải sửa bản án sơ thẩm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2014/HSST ngày 18/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên có nội dung: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2013 đến cuối tháng 5/2013 bị cáo Nghiêm Bá Dũng đã tìm kiếm, móc nối với các đối tượng ở nước ngoài (Trung Quốc) để đứng ra tổ chức thành một đường dây với các bị cáo: Nguyễn Văn Long, Đào Thị Thùy, Đào Duy Tiến, Đào Việt Anh, Trần Văn Hiệp, Lê Thị Lại, Nguyễn Văn Hạnh; bằng nhiều thủ đoạn, các bị cáo tìm kiếm, dụ dỗ phụ nữ ở trong nước rồi lừa dối họ đi ra Móng Cái, Quảng Ninh làm ăn có thu nhập cao. Khi đã đưa được những người bị hại ra Móng Cái thì tiếp tục đưa họ vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc bán cho các đối tượng người Trung Quốc quản lý và bắt ép họ đi bán dâm.

Bị cáo Dũng đã thống nhất với các đồng phạm: Nếu đưa được một người sang cho Dũng thì Dũng sẽ trả 10 triệu đồng. Thực tế các bị cáo đã thực hiện đưa trót lọt 09 người phụ nữ là các chị: Ngô Thị Minh Châm, Hoàng Thị Tỏ, Đoàn Thị Kim Nghĩa, Vũ Thị Thúy, Lò Thị Hương, Hồ Thị Thương, Lê Thị Lại (lúc đầu bị bán, sau lại tìm phụ nữ để Nghiêm Bá Dũng bán), Lê Thị Huynh, Nguyễn Thị Ngát và 02 trẻ em là Lưu Thị Nụ và Nguyễn Thị Thanh, đưa từ Việt Nam sang Trung Quốc bằng nhiều lần để Nghiêm Bá Dũng bán cho những người nước ngoài (Trung Quốc) phục vụ hoạt động mại dâm. Bản án này đã quyết định về phần dân sự như sau: "*Buộc 03 bị cáo*

Nghiêm Bá Dũng, Nguyễn Văn Long và Đào Việt Anh liên đới bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho chị Hoàng Thị Tỏ (Lan), sinh năm 1993; trú tại: Đội 8, bản Nà Khương, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu là 6.900.000 đồng".

Sai sót của bản án này đó là buộc ba bị cáo phải liên đới bồi thường nhưng lại không xác định rõ kỹ phần cụ thể mỗi bị cáo là bao nhiêu nên đã bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án.

Bốn là, xác định thiếu người tham gia tố tụng, xác định tài sản trong vụ án hình sự là phương tiện phạm tội dẫn đến áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung công quỹ không chính xác, gây thiệt hại cho các đồng sở hữu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2013/HSST ngày 07/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên có nội dung: Do có nghi ngờ nhóm các anh Phạm Trọng Sáng, Phạm Đình Dương, Trần Văn Giang và Nguyễn Văn Dũng trú tại thôn Thuận Xuyên, xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên thường gọi điện thoại đến số điện thoại bàn của Công ty TNHH Taxi Khánh Linh thách thức và xúc phạm. Vào khoảng 22h30' ngày 4/11/2012, bị cáo Nguyễn Đức Dân là Giám đốc Công ty TNHH Taxi Khánh Linh, là một thành viên góp vốn vào công ty, đã chỉ đạo Đào Văn Viện là lái xe thuê của công ty Khánh Linh điều khiển xe ô tô BKS: 89A-00795 chở Viện đi tìm nhóm của anh Sáng. Khi phát hiện anh Sáng điều khiển xe mô tô BKS: 79H4-7356 do chở anh Dũng, anh Giang và anh Dương, bị cáo Dân liên tục hò hét, yêu cầu Viện đuổi, chèn ép và đâm chết những người trên xe mô tô tội vạ đầu Dân chịu. Viện đã lái xe, nhiều lần chèn ép, sau đó đâm trực tiếp vào đuôi xe mô tô làm 4 người ngã văng xuống đường bất tỉnh, xe mô tô hư hỏng nặng. Bị cáo Dân xuống xe nhìn thấy 4 thanh niên nằm bất tỉnh tưởng họ đã chết nên bảo Viện lái xe cùng bỏ trốn sang tỉnh Hải Dương, sau đó bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần áp dụng các biện pháp tư pháp đã quyết định: *"Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe ô tô Hyundai màu ghi, BKS 89A - 00795 (kèm theo 01 sổ chứng nhận kiểm định số 0424849 - bản chính; 01 đăng ký xe ô tô BKS 89A - 00795 - bản chứng thực với bản chính; 01 giấy chứng nhận*

bảo hiểm bắt buộc số 00406845) đã thu giữ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội".

Bản án sơ thẩm nêu quyết định như vậy là chưa chính xác, bởi lẽ mặc dù đây là phương tiện mà bị cáo Dân và bị cáo Viện sử dụng vào việc phạm tội nhưng không phải là tài sản của cá nhân hai bị cáo; cho dù Dân có là giám đốc Công ty TNHH Taxi Khánh Linh thì chiếc xe này không phải tài sản của cá nhân Dân mà đây là tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên trong Công ty, theo Luật doanh nghiệp thì tài sản đưa vào kinh doanh và tài sản cá nhân là hai loại tài sản độc lập nhau nên không thể tịch thu chiếc xe này. Trong vụ án này Công ty Taxi Khánh Linh có thiệt hại về tài sản, có đơn yêu cầu được nhận lại xe và yêu cầu các bị cáo bồi thường do vậy phải xác định Công ty Taxi Khánh Linh là nguyên đơn dân sự và phải quyết định trả lại xe ô tô cho Công ty đồng thời buộc các bị cáo bồi thường hư hỏng chiếc xe theo yêu cầu của Công Ty Khánh Linh. Bởi vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm.

Năm là, tình trạng xử vắng mặt người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn diễn ra phổ biến

Việc xét xử vắng mặt dẫn đến quyền của người bị hại và nguyên đơn dân sự vẫn chưa được đảm bảo thực hiện. Trước hết, tình trạng có người bị hại nhưng không được triệu tập tham gia phiên tòa; người bị hại không được giải thích kịp thời về quyền và nghĩa vụ. Trong giai đoạn điều tra, có nhiều trường hợp Cơ quan điều tra không chủ động thông báo cho người bị hại và nguyên đơn dân sự về kết quả điều tra. Trong nhiều phiên tòa, người bị hại chỉ được hỏi về mức yêu cầu bồi thường thiệt hại để tòa án quyết định.

Trên đây là một số sai lầm, thiếu sót trong quá trình giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Những sai lầm, thiếu sót đó dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng không được bảo đảm, chất lượng giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự bị ảnh hưởng, dẫn đến tỷ lệ các bản án còn bị cấp phúc thẩm cải sửa chưa được giảm mạnh. Những sai lầm, thiếu sót đó có nhiều nguyên nhân. Tác giả xin đưa ra các nhóm nguyên nhân sau:

Thứ nhất, nguyên nhân về mặt pháp luật.

Do số lượng các vụ án hình sự có giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hàng năm đều tăng, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong các vụ án đó ngày càng phức tạp. Cơ sở pháp lý cho việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chỉ có Điều 28 Bộ luật Tố tụng Hình sự và một số quy định rải rác về việc tách trách nhiệm dân sự trong các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng chỉ quy định về việc tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bản thân Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành lại không quy định rõ ai, cơ quan nào có quyền tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết. Vấn đề đặt ra là các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có quyền tách phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không hay quyết định tách vụ án chỉ được thực hiện bởi Hội đồng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm? Bản thân những người tiến hành tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự có quyền quyết định tách hay không? Thủ tục này dựa trên cơ sở và căn cứ pháp lý cụ thể nào? Những người tham gia tố tụng có quyền đề nghị tách phần dân sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự hay không?

Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành quy định một nguyên tắc cơ bản buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành một hoạt động tố tụng là giải quyết các trách nhiệm dân sự đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự; đồng thời đưa ra một loạt các khái niệm như "vấn đề dân sự trong vụ án hình sự", "chưa có điều kiện chứng minh", "không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự" nhưng không giải thích hay làm rõ về các khái niệm này nên những người tiến hành tố tụng thường có cách hiểu khác nhau theo ý thức chủ quan, cảm tính của mỗi người, dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất.

Bộ luật Tố tụng hình sự đã đưa ra khái niệm về người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự nhưng chưa đưa ra khái niệm về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án từ đó dẫn đến việc có sự nhầm lẫn khi xác định tư cách tham gia tố

tụng của loại người này làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong quá trình giải quyết trách nhiệm dân sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự đã đưa ra khái niệm, quy định các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn dân sự. Tuy nhiên, khái niệm này còn nhiều điểm hạn chế cần phải sửa đổi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức bị hành vi phạm tội xâm hại. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì trường hợp tội phạm trực tiếp xâm hại tới tài sản của cá nhân thì người bị thiệt hại đương nhiên có tư cách tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại, còn trường hợp tội phạm trực tiếp xâm hại tới tài sản của cơ quan, tổ chức thì các cơ quan, tổ chức này chỉ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự nếu họ có đơn yêu cầu bồi thường. Trường hợp họ không có đơn yêu cầu bồi thường thì họ không được tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự và do đó thiệt hại về tài sản cơ quan, tổ chức cũng không được xem xét, giải quyết. Đây là một điểm bất hợp lý, gây mất bình đẳng giữa những người tham gia tố tụng đồng thời không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Ngoài ra, quy định về thủ tục đưa bản án, quyết định ra thi hành và cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án chưa rõ ràng. Mục đích chủ yếu của điều luật chỉ hướng đến việc "thi hành phần hình sự" mà ít đề cập đến việc "thi hành phần dân sự" trong bản án hình sự, quy định này thậm chí còn có nội dung bất cập và mâu thuẫn với quy định của luật chuyên ngành về thi hành án phần dân sự đó là Luật thi hành án dân sự năm 2008 như: Quy định Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án hay quy định việc các cơ quan thi hành án phải báo cáo kết quả thi hành án cho Chánh án về việc bản án hoặc quyết định đã được thi hành. Trong khi đó, Luật thi hành án dân sự năm 2008 cũng quy định Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự là người có thẩm quyền ra quyết định thi hành án đối với phần dân sự được quy định trong bản án hình sự, mặt khác tại các điều từ Điều 14 đến điều 16 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thi hành án dân sự cũng không quy định cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm báo cáo Chánh án

cùng cấp hoặc Chánh án Tòa án cấp trên về việc bản án hoặc quyết định đã được thi hành hay chưa.

Thứ hai, nguyên nhân về mặt chủ quan

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự mà có liên quan đến trách nhiệm dân sự, các cơ quan tiến hành tố tụng đã không quan tâm đúng mức tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự. Trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng thường ít quan tâm đến việc điều tra, xác định các khoản bồi thường thiệt hại và người được bồi thường, việc điều tra còn sơ sài nên dễ dẫn đến nhiều sai sót như xác định sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc chưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng do đó dẫn đến các quyết định bồi thường thiệt hại không chính xác.

Khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, người tiến hành tố tụng đặc biệt là một số Thẩm phán đã không nghiên cứu kỹ Bộ luật Dân sự và các hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có nhiều trường hợp chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên xác định không đúng thiệt hại, quyết định mức bồi thường không chính xác. Mặt khác, với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế nên đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cũng có những biến động, tình hình tội phạm ngày càng có biểu hiện gia tăng, các băng nhóm tội phạm có tổ chức đã xuất hiện (VD như vụ án Tú Khi - Giết người, cưỡng đoạt tài sản, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng... vụ Huy Rambô...). Đặc biệt là các vụ án hình sự có giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự tăng lên dẫn đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong các vụ án hình sự ngày càng phức tạp. Việc xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự ngày càng khó khăn.

Công tác kiểm tra của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đối với Tòa án nhân dân cấp huyện chưa được thực hiện thường xuyên, chủ yếu yêu cầu các đơn vị tự kiểm tra và báo cáo, hàng năm chỉ tổ chức kiểm tra mỗi đơn vị được 01 lần. Việc hướng dẫn

áp dụng pháp luật của Ủy ban Thẩm phán chưa kịp thời, có nhiều văn bản hướng dẫn chưa cụ thể dẫn đến nhận thức của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chưa thống nhất về cách áp dụng pháp luật trong cùng một vụ án.

Mặc dù đã được các cấp, ngành trung ương quan tâm nhưng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm việc tại các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được đầu tư đúng mức. Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ nhiều khi còn mang tính hình thức nên kết quả chưa được cao. Lãnh đạo của một số Tòa án cấp huyện chưa phát huy đầy đủ tinh thần trách nhiệm, năng lực quản lý và điều hành làm giảm hiệu quả và chất lượng công tác. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, Thẩm phán Tòa án chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ; còn bất cập, hạn chế về một số lĩnh vực, như: Kiến thức xã hội, kỹ năng về công tác dân vận, trình độ ngoại ngữ, kiến thức thuộc các lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ v.v... Số cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao tại các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên còn thiếu. Nguồn bổ nhiệm các chức danh tư pháp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán rất hạn chế nên đã tạo ra áp lực lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác.

Chưa có cơ chế, hình thức xử lý cụ thể đối với các Thẩm phán có án hủy do lỗi chủ quan, Lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh chỉ mới tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm và cắt giảm thi đua nên vẫn còn tình trạng Thẩm phán có án bị hủy làm ảnh hưởng đến thành tích chung của Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Công tác phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án còn chưa nhịp nhàng, cá biệt ở nơi này nơi khác còn tình trạng "quyền anh, quyền tôi"; Tòa án trả hồ sơ thì lấy đó làm khó chịu vì e ngại ảnh hưởng tới thành tích, không thực hiện các yêu cầu điều tra bổ sung; còn tình trạng kháng nghị theo "chỉ tiêu" dẫn đến chất lượng kháng nghị chưa cao. Ngược lại, lại có tình trạng " xuôi chiều", Tòa án phát hiện ra vấn đề thiếu sót, ảnh hưởng tới việc giải quyết đúng đắn, khách quan, toàn diện vụ án nhưng không trả hồ sơ hoặc Viện kiểm sát không kháng nghị, chỉ kiến nghị rút kinh nghiệm đối với các bản án có sai lầm về tố tụng cũng như giải quyết về mặt nội dung...

Kết luận chương 2

Từ những nghiên cứu, phân tích, đánh giá về thực trạng giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong 05 năm (từ năm 2012 đến 2016), có thể nhận thấy: Bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ về công tác lập pháp, của các quy định pháp luật, của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cũng vẫn còn tồn tại còn nhiều quy định bất cập, chưa hợp lý, chưa rõ ràng; các phán quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên còn có những hạn chế, bất cập nhất định, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng; mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế. Bởi vậy, việc đặt ra những yêu cầu cũng như giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là nhiệm vụ cấp bách trong thời gian tới

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIẢI QUYẾT ĐÚNG TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1 Yêu cầu giải quyết đúng trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam, triển khai thực hiện các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng như: “Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp”; “bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp” mà Đảng ta đã đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội X, XI, XII của Đảng đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ năm 2003 để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm về cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu thực tiễn đất nước.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ; bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án và Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi). Ngoài ra, thời gian qua, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật liên quan đến tố tụng hình sự như: Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật luật sư, Luật trợ giúp pháp lý, Luật thi hành án hình sự... Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự là thực sự cần thiết để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Việt Nam đã và đang thực hiện nhất quán chủ trương chủ động hội nhập quốc tế, tham gia nhiều tổ chức quốc tế, ký kết và gia nhập nhiều điều ước quốc tế, nhất là trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về

hành sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù được ký kết giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, trong khi đó, nhiều quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành mới dừng ở những quy định chung; chưa quy định rõ về giá trị của các nguồn tư liệu có được thông qua hoạt động tương trợ tư pháp hình sự; thiếu các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm thực hiện tốt các cam kết quốc tế.

Mặt khác, qua hơn 10 năm thi hành, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong tố tụng hình sự. Bộ luật Tố tụng hình sự đã khẳng định vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời đáp ứng những yêu cầu về cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần:

- Cụ thể hóa các quy định về bảo vệ quyền con người trong Bộ luật Tố tụng hình sự: Phát hiện, xử lý tội phạm là công việc của bất kỳ nhà nước nào nhằm bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội, của cá nhân trong xã hội đó. Vừa đảm bảo việc phát hiện xử lý tội phạm, vừa phải đảm bảo không xâm phạm quyền con người là một mâu thuẫn, để giải quyết hài hòa mâu thuẫn này đó chính là biểu hiện của một kiểu tố tụng hình sự trong một nhà nước văn minh. Việc quy định nguyên tắc và trình tự, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là đảm bảo quyền của người bị thiệt hại được bồi thường thiệt hại kịp thời, đầy đủ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần và tài sản do tội phạm gây ra.

- Tiếp tục quán triệt và khẳng định mục tiêu, quan điểm, phương hướng của chiến lược cải cách tư pháp trong các văn kiện của Đảng. Việc nghiên cứu, sửa đổi các

quy định pháp luật về giải quyết vụ án hình sự nói chung, giải quyết vụ án hình sự có trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng theo pháp luật tố tụng hình sự cần phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, để nhằm bảo đảm sự ổn định chính trị, giữ vững được bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân; cụ thể hóa các trình tự, thủ tục để người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo luật định, hạn chế tối đa các quy định chung chung, phải chờ văn bản hướng dẫn.

- Việc hoàn thiện chính sách pháp luật, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần có sự phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán để họ chủ động và có đủ điều kiện trong thực hiện nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Thủ trưởng các cơ quan tiến hành tố tụng vừa đảm nhiệm vai trò là người đứng đầu cơ quan, vừa là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng là những người phân công điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán giải quyết vụ án, trong khi đó hầu hết các quyết định tố tụng lại do Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng ký ban hành. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng chịu sự ảnh hưởng nhất định theo ý chí của người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cũng như tiến độ giải quyết các vụ án hình sự.

- Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi cần điều chỉnh khung kết cấu để phù hợp với sự phân chia các giai đoạn tố tụng. Việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự cần điều chỉnh khung kết cấu theo hướng tách khỏi tố, điều tra, truy tố thành các phần độc lập; ghép xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm trong một phần chung của Bộ luật. Việc bố cục thủ tục xét xét sơ thẩm và xét xử phúc thẩm có ý nghĩa quan trọng để thực hiện đầy đủ quy định của Hiến pháp về đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử [4].

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, trách nhiệm dân

sự nói riêng. Cần có quy định bảo đảm mọi hoạt động của cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đều phải kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ bởi nhiều cơ chế, bao gồm cơ chế kiểm tra trong mỗi hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng và cơ chế giám sát từ bên ngoài.

Trên đây là một số yêu cầu cơ bản nhằm giải quyết đúng, nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay

3.2 Các giải pháp bảo đảm giải quyết đúng trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

3.2.1 Hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự

Giải quyết trách nhiệm dân sự trong cùng vụ án hình sự đã được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Bộ luật Hình sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự 2015 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành, đây là hai đạo luật được đánh giá là đã bám sát tinh thần cách tư pháp theo hướng tranh tụng và bảo vệ quyền con người, có rất nhiều quy định mới, tiến bộ hơn so với hai bộ luật cũ nhưng các quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự vẫn chưa có quy định cụ thể để tạo hành lang pháp lý giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự một cách tốt nhất. Vì vậy, tác giả xin đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện chế định giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như sau:

- Bản chất của việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là việc giải quyết việc kiện dân sự, nhằm xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Trong vụ án hình sự thì vấn đề trước tiên phải giải quyết là vấn đề tội phạm, vấn đề trách nhiệm hình sự và nếu có điều kiện giải quyết thì giải quyết ngay vấn đề trách nhiệm dân sự, tức là giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra. Nếu không có điều kiện và để tránh kéo dài việc xét xử vụ án hình sự thì phần trách nhiệm dân sự được tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Vì vậy, điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự cần được sửa đổi như sau: "*Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp*

cần tránh việc kéo dài thời gian xét xử vụ án hình sự thì có thể tách phần trách nhiệm dân sự để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự".

- Cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự để có sự áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Cần quy định rõ trong Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc giải thích trong các văn bản hướng dẫn thi hành các khái niệm "*Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*", "*không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự*". Theo chúng tôi, cần quy định:

+ Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là những yêu cầu đòi bồi thường, hoàn trả, sửa chữa tài sản, thiệt hại về tinh thần và buộc công khai xin lỗi của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra.

+ Không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự là phần dân sự được tách ra không liên quan đến việc xác định tội phạm, việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định về hình phạt đối bị cáo.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy phạm pháp luật về người tham gia tố tụng, đặc biệt là những người tham gia tố tụng có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự của vụ án đó là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể:

+ Cần đưa ra khái niệm về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự trong Bộ luật Tố tụng hình sự để từ đó có thể xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của họ trong vụ án. Theo chúng tôi, khái niệm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự có thể được xây dựng như sau: "*Người có quyền lợi liên quan đến vụ án hình sự là người bị thiệt hại về lợi ích vật chất hoặc về tinh thần do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự*".

+ Cần sửa đổi khái niệm về "nguyên đơn dân sự" theo hướng: Trường hợp tội phạm không trực tiếp xâm hại tới tài sản của cơ quan, tổ chức thì để được xác định là nguyên đơn dân sự, cơ quan, tổ chức phải có đơn yêu cầu bồi thường. Trường hợp tội phạm trực tiếp xâm hại tới tài sản của cơ quan, tổ chức thì dù cơ quan, tổ chức đó làm đơn yêu cầu bồi thường hay không cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải xác định họ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự. Bởi vì, trong trường hợp này dù

nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu bồi thường hay không thì bị can, bị cáo, bị đơn dân sự vẫn phải thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

Theo quy định tại Điều 52, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 thì muốn trở thành nguyên đơn dân sự thì cá nhân, cơ quan, tổ chức bị người phạm tội gây thiệt hại về vật chất phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nói cách khác, tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn dân sự đối với quá trình giải quyết vụ án chỉ xuất hiện khi họ có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên trong thực tế, không phải mọi trường hợp yêu cầu của nguyên đơn dân sự đều được thể hiện bằng hình thức "*đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại*" mà có thể thể hiện yêu cầu của mình trong đơn trình báo hoặc do cơ quan điều tra ghi nhận yêu cầu của họ qua lời khai, lời trình bày về thiệt hại do tội phạm gây ra khi làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng và có yêu cầu bồi thường. Do đó, theo chúng tôi, để phù hợp với thực tiễn, Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 nên quy định là "*Nguyên đơn dân sự là cá nhân, tổ chức đã bị tội phạm gián tiếp gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại*"

+ Về khái niệm "người bị hại" cần sửa đổi theo hướng không chỉ là người, con người, cá nhân cụ thể bị thiệt hại về thể chất tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra mà còn cần ghi nhận cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra. Do đó Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 nên quy định khái niệm "người bị hại" như sau: "*Người bị hại là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị tội phạm trực tiếp gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Người bị hại được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng công nhận khi xác định có dấu hiệu thiệt hại*".

- Bổ sung vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 quyền của người bị hại "*buộc tội đối với bị can, bị cáo*". Đồng thời sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 51: Người bị hại có quyền "*tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*".

- Sửa đổi, bổ sung về phạm vi kháng cáo phần trách nhiệm hình sự trong bản án. Nội dung đề nghị sửa đổi như sau: ... "*kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường cũng như tội phạm bị xét xử và hình phạt được tuyên đối với bị cáo*".

- Sửa đổi, bổ sung quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại và nguyên đơn dân sự tại. Cần thay cụm từ “*đề nghị mức bồi thường*” bằng “*đề nghị bồi thường thiệt hại*”. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thời hạn nguyên đơn dân sự gửi đơn yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại.

- Bổ sung nghĩa vụ “khai báo trung thực” của người bị hại trước khi quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi từ chối khai báo. Mặt khác, cũng cần bổ sung quy định cấm khai báo gian dối như đã quy định đối với người làm chứng.

Bên cạnh đó, cần quy định bổ sung cho người bị hại, nguyên đơn dân sự được miễn thực hiện nghĩa vụ khai báo của người bị hại và nguyên đơn dân sự nếu lời khai có nội dung chống lại chính họ và người thân thích của họ, đồng thời bỏ điều kiện có nội dung chung chung “nếu từ chối khai báo mà không có lý do chính đáng” của người bị hại.

- Quy định rõ ai, cơ quan nào có quyền tách vụ án hình sự và việc tách trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện ở giai đoạn nào của quá trình giải quyết vụ án.

3.2.2. Thống nhất nhận thức về giải quyết dân sự trong vụ án hình sự

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự sẽ tạo cơ sở pháp lý và là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như những người tiến hành tố tụng tiến hành giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có chính xác không còn phụ thuộc vào quá trình vận dụng pháp luật để giải quyết trong từng vụ án cụ thể. Do vậy, để góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động này, chúng ta cần thực hiện một số biện pháp khắc phục như sau:

- Trước hết cần hiểu một cách đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về các nội dung của nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời phải tìm hiểu, nghiên cứu kỹ, thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản nói chung và các văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng, đặc biệt là các văn bản pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự, các thông tư liên tịch, nghị quyết của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật để vận dụng giải quyết các vụ án cụ thể được chính xác.

- Cần có sự cân nhắc khi quyết định có hay không tách vụ án sao cho vừa có lợi cho việc giải quyết vụ án vừa bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của người thiệt hại.

- Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bên cạnh việc xử lý vấn đề trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần coi trọng cả việc giải quyết trách nhiệm dân sự. Không nên chỉ coi trọng việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự mà coi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần điều tra kỹ vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án giúp cho Tòa án có cơ sở vững chắc để quyết định đúng phần bồi thường thiệt hại. Tòa án cũng cần chú ý giải quyết phần dân sự cho đúng luật, chính xác, tránh tuyên án chung chung dẫn đến trường hợp phải giải thích nhiều lần hoặc hủy án để xét xử lại.

- Làm tốt hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn giải quyết các vụ án và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án. Đặc biệt là đối với các Tòa án, nơi ra phán quyết cuối cùng để giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, góp phần nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố và xét xử hình sự. Đặc biệt đối với các vụ án mà người bị hại đã chết, cơ quan điều tra phải lấy lời khai của những đại diện hợp pháp tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan điều tra phải điều tra kỹ về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, về tình hình tài sản, điều kiện kinh tế của bị cáo trong vụ án hình sự để Tòa án có căn cứ khi quyết định về bồi thường dân sự và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản.

- Điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 ghi rõ: *“Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”*. Như vậy, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần tích cực nghiên cứu, lựa chọn các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao để xây dựng bộ án lệ nói chung và án lệ về giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng.

3.2.3. Nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng

Để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự nói chung, trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trong quá trình áp dụng pháp luật chúng ta cần phải quan tâm hơn nữa đến công tác cán bộ theo hướng: "*Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm pháp lý; tiêu chuẩn chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ. Đề cao tính độc lập, khách quan của từng chức danh tư pháp*" [3]. Cụ thể:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện công vụ đầy mạnh cải cách hành chính, tăng cường nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý cũng như trong giải quyết và xử lý công việc.

- Thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao nhận thức áp dụng pháp luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành cho cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Cần tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ.

- Tăng cường công tác quản lý cán bộ, thanh tra, kiểm tra thường xuyên để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh đối với cán bộ, công chức có vi phạm. Đối với những trường hợp cán bộ, công chức có hành vi lợi dụng quyền hạn, chức vụ, nghề nghiệp làm trái với các quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp những người tham gia tố tụng thì cần phải nghiêm khắc xử lý.

- Làm tốt công tác tổ chức cán bộ, từng bước tuyển dụng cán bộ theo hướng đủ về số lượng, tinh về chất lượng. Tiếp tục đổi mới cơ chế tuyển chọn, giới thiệu người để bổ nhiệm các chức danh pháp lý. Thực hiện tốt công tác luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng tăng cường cán bộ cho các đơn vị có nhiều án nhưng chưa có đủ cán bộ theo yêu cầu của công việc.

Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc tại các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Tòa án nói riêng. Cần mở rộng nguồn để bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Cần áp dụng rộng rãi cơ chế thi tuyển để lựa chọn người vào các chức danh quản lý trong các cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự các cấp.

Xây dựng chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động đặc thù của cán bộ làm công tác tư pháp, đặc biệt là đối với Thẩm phán.

Bản thân những cán bộ, công chức công tác trong các ngành bảo vệ pháp luật cần phải tự mình tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, chủ động nghiên cứu, cập nhật văn bản, không ngừng học hỏi từ thực tiễn và từ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội nói chung và của nghề nghiệp nói riêng. Mỗi cán bộ, công chức trong khi thực hiện các hoạt động công vụ cần gắn bó mật thiết với nhân dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, dũng cảm đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa phù hợp với mục tiêu, quan điểm và phương hướng cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay.

3.2.4. Xây dựng mối quan hệ tố tụng đúng đắn giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Với vị trí, chức năng rất quan trọng trong bộ máy Nhà nước ta, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân có trách nhiệm phối hợp với nhau để giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ chế độ Nhà nước, bảo vệ nhân dân và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhận thức rõ tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong việc phòng ngừa và chống tội phạm, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã nhấn mạnh: *“Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử cần thực hiện đúng thời hạn tố tụng như luật định”*

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đều quy định trách nhiệm phối hợp giữa Tòa án và Viện kiểm sát, với các cơ

quan, tổ chức khác của Nhà nước trong hệ thống chính trị nhằm phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp. Các cơ quan tiến hành tố tụng không những có trách nhiệm phối hợp với nhau mà còn phải phối hợp với các cơ quan nhà nước khác bằng những nội dung cụ thể, thiết thực được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong hoạt động tố tụng hình sự còn có mục đích chung là tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, kiến nghị hoặc yêu cầu các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm. Mỗi quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự biểu hiện trên hai bình diện là mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự và mối quan hệ chế ước giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự. Điều này có nghĩa là, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì ngoài việc phối hợp để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan sai người vô tội thì Tòa án và Viện kiểm sát còn phải phối hợp để làm rõ những tình tiết liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, để bảo đảm quyền lợi cho người bị thiệt hại do tội phạm gây ra.

3.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự

Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án nhân dân cấp cao, cấp tỉnh tập trung làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra và giám đốc việc xét xử đối với Tòa án cấp dưới để kịp thời phát hiện và khắc phục ngay đối với những sai sót trong quá trình giải quyết các loại vụ án nói chung, trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nhất là đối với Thẩm phán.

Thường xuyên tiến hành việc kiểm điểm trách nhiệm đối với Thẩm phán về các sai sót trong hoạt động xét xử, giải quyết các vụ án nói chung và các vụ án hình sự có phần trách nhiệm dân sự cần được giải quyết nói riêng.

Kết luận chương 3

Nhận thức rõ các yêu cầu đồng thời đề ra được các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một đòi hỏi khách quan nhằm hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, đáp ứng những nhiệm vụ về cải cách tư pháp mà các Nghị quyết của Đảng đã đề ra, là cơ sở và tiền đề cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có nhận thức thống nhất, áp dụng pháp luật chính xác trong việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, đưa ra những phán quyết công bằng, vừa bảo đảm khách quan, công bằng, đúng pháp luật trong việc xác định tội danh, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ với bị cáo, vừa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng khác; tạo điều kiện xét xử các vụ án hình sự mà trong đó có phân trách nhiệm dân sự phải giải quyết được thuận lợi và nhanh chóng. Mặt khác, việc nhận thức rõ các yêu cầu đồng thời đề ra được các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế trong quá trình Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Nhiệm vụ đó phải được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lập pháp, là đòi hỏi cấp bách đối với các nhà nghiên cứu, lý luận cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong hoạt động thực tiễn.

KẾT LUẬN

Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự bao gồm toàn bộ quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Việc quy định nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm cũng như bảo đảm cho các quyền con người được bảo vệ và tôn trọng. Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là vấn đề phức tạp cả về lý luận và thực tiễn áp dụng. Đặc biệt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, vấn đề này chưa được nghiên cứu, đánh giá cụ thể từ thực tiễn. Trong hoàn cảnh đó, luận văn thạc sĩ với đề tài "*Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*" đã đạt được những kết quả nghiên cứu có ý nghĩa về khoa học và giá trị thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, làm rõ được khái niệm, các đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, làm rõ được bản chất và phạm vi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự;

Thứ hai, luận văn đã tổng hợp, phân tích rõ hơn các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, cụ thể là các quy định về việc giải quyết trách nhiệm dân sự đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự và quy định về tách việc giải quyết vấn đề dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự bằng việc xác định rõ quan hệ pháp luật giữa những người tham gia tố tụng và nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự đồng thời với giải quyết vụ án hình sự. Nêu rõ căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, qua đó lý giải tại sao Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự không có nhiều điều luật quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, làm cơ sở cho việc đưa ra những kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Thứ ba, luận văn đã nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trên cơ sở đi sâu phân tích việc áp dụng quy định này trong quá trình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Qua việc nghiên cứu, phân tích các bản án bị kháng cáo, kháng nghị về phần dân sự để thấy trong thực tiễn việc áp dụng quy định pháp

luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên vẫn còn có những hạn chế, thiếu sót nhất định, nhiều trường hợp xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, triệu tập không đầy đủ những người liên quan đến vụ án tham gia phiên tòa, quyết định mức bồi thường thiệt hại không chính xác, áp dụng sai các quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự... làm ảnh hưởng tới quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức. Luận văn cũng đã chỉ ra và phân tích những nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót trên là do các quy định của pháp luật hiện hành về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự còn thiếu, chưa cụ thể và thường được quy định rải rác trong các văn bản hướng dẫn thi hành; đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, luận văn đã đưa ra một số yêu cầu chung về hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng liên quan đến vấn đề này trong tiến trình cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay. Đồng thời đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, cụ thể:

Về lập pháp, cần từng bước hoàn thiện các quy định về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Đặc biệt cần quy định trình tự, thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, pháp điển hóa các quy định trong các văn bản hướng dẫn thành các điều luật trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về áp dụng pháp luật, bên cạnh việc xử lý vấn đề trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần coi trọng cả việc giải quyết trách nhiệm dân sự, cần thường xuyên cập nhật, nghiên cứu kỹ các quy định của Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành để có thể giải quyết vụ án đúng đắn theo quy định của pháp luật.

Về công tác cán bộ, cần tăng cường thực hiện tốt công tác cán bộ theo hướng xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm pháp lý; tiêu chuẩn chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ. Đề cao tính độc lập, khách quan của từng chức danh tư pháp, đảm bảo xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, quan điểm và phương hướng cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương (2011), "Một số ưu, khuyết điểm; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm qua 5 năm triển khai thực hiện nghị quyết 49-NQ/TW", *Cải cách tư pháp*, (11), tr. 3-18.
2. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương (2011), "Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011 - 2016", *Cải cách tư pháp*, (13), tr. 3-8.
3. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương (2014), "Tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020", *Cải cách tư pháp*, (23), tr. 2-32.
4. Nguyễn Hòa Bình (2015), "Những định hướng cơ bản trong sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp", *Tạp chí Cộng sản*, (867), tr. 24-33.
5. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, (Sách chuyên khảo), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Chí (2010), "Bàn về nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Khoa học (Luật học)*, (26), tr. 12-24.
8. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (2016), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án dân sự năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*.
9. Đỗ Văn Đại (2007), "Bàn về việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Kiểm sát*, (9), tr. 32-34.
10. Nguyễn Xuân Đăng (2005), "Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Tòa án nhân dân*, (21), tr. 2-5.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Tố Hằng, Nguyễn Quốc Anh (2009), *Luật thi hành án dân sự, các nghị định hướng dẫn thi hành và một số văn bản liên quan*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Thu Hương (2009) *Nguyên tắc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Báo cáo kết quả giám sát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trên địa bàn tỉnh năm 2016*, Hưng Yên.
17. Nhà Pháp luật Việt - Pháp (1998), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đinh Văn Quế (2005), "Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về "dân sự" trong vụ án hình sự", *Tòa án nhân dân*, (9), tr. 33-37.
19. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
20. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
21. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội
23. Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội
26. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2008), *Luật thi hành án dân sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
30. Hoàng Thị Sơn (1998), "Việc giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Luật học*, (6), tr. 20-23.

31. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên) (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Trọng Tài (2005), " Một số vấn đề về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án hình sự", *Tòa án nhân dân*, (19), tr. 9-14.
33. Trọng Tài (2006), "Tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm đều xác định sai trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Tòa án nhân dân*, (6), tr. 2-4.
34. Tỉnh ủy Hưng Yên (2014), *Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/8/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc xử lý, kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hưng Yên.
35. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012), *Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2012/HSST ngày 14/2/2012*, Hưng Yên.
36. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2013), *Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2013/HSST ngày 07/3/2013*, Hưng Yên.
37. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2014), *Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2014/HSST ngày 18/8/2014*, Hưng Yên.
38. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2014), *Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2014/HSST ngày 28/8/2014*, Hưng Yên.
39. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HSST ngày 10/4/2016*, Hưng Yên.
40. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2016*, Hưng Yên.
41. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2012*, Hưng Yên.
42. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2013), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2013*, Hưng Yên.
43. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2013), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2013*, Hưng Yên.
44. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2015*, Hưng Yên.

45. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Hưng Yên.
46. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo của Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ lần thứ XV của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 hướng dẫn thủ tục giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*, Hà Nội.
48. Tòa án nhân dân tối cao (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
49. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số các quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.
50. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo về thực hiện Nghị quyết số 69/2013/QH13 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XII*, Hà Nội.
51. Tòa hình sự - Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Báo cáo một số nội dung rút kinh nghiệm về công tác xét xử các vụ án hình sự năm 2006*, Hà Nội.
52. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Báo cáo tổng kết công tác xét xử năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*.
53. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo tổng kết công tác xét xử năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016*.
54. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên (2014), *Báo cáo tổng kết công tác xét xử năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015*.
55. Nguyễn Văn Tuấn (2011), "Thủ tục giải quyết việc kiện dân sự trong vụ án hình sự", *Dân chủ và pháp luật*, (9), tr. 2-8.
56. Nguyễn Văn Tuấn (2011), "Bản chất và phạm vi giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự", *Dân chủ và pháp luật*, (8), tr. 12-18.

57. Nguyễn Văn Tuấn (2013), "Những nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam và vấn đề hoàn thiện", *Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề Cải cách tư pháp và pháp luật), tr. 5-17.
58. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2003), *Báo cáo số 120/UBTVQH11 ngày 26/7/2003 về giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi*, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.